

## PHIÊN DỊCH DANH NGHĨA TẬP

### QUYỂN 6

Tập này gồm bốn phần sau đây:

- 55. Đường phạm tự thể
- 56. Phiên nào hoặc nghiệp
- 57. Pháp Tâm - Ý - Thức
- 58. Pháp Ấm - giới - Nhập

#### 55. ĐƯỜNG PHẠM TỰ THỂ

Tây Vực năm Thiên Trúc Kinh chuộc sách Trời. Đông Hạ chín châu tự pháp dấu chân chim từ xưa hiếm thấy. Nhân dịch mới truyền, giữ trong hộp ngọc còn đủ. Tập này lược nêu.

Chữ (?), Huân Văn nói: Chí Thành Toàn Yếu nói tiếng Phạm là Thất-li-mạt-sai, dịch là Cát Tường Hải Vân. Ở ngực Như Lai có tướng Đại Nhân hình chữ (?) gọi là Cát Tường Hải Vân. Hoa Nghiêm Âm Nghĩa nói: Xét chữ (?) vốn không phải là chữ. Nhà Đại Chu năm Trường Thọ hai. Chú Thượng quyền chế văn này đặt ở Thiên Xu gọi là Vạn, nghĩa là Vạn Đức Cát Tường tập hợp. Trong kinh Trên Dưới căn cứ vào bản chữ Hán có mười bảy chữ đồng gọi là Vạn. Thanh tịnh vào văn tiếng Phạm có hai mươi tám tướng v.v...

Chữ (?), Phạm Sư nói đây là chữ Vạn ở Tây Vực, là tướng Cát Tường trước ngực Phật.

Chữ (?), đọc là Vạn, là tướng Cát Tường Thắng Đức. Do tóc xoắn về phía hữu mà sanh ra giống như chữ (?). Tiếng Phạm đọc là Tắc-phước-tất-đế-ca, dịch là Hữu Lạc. Người có tướng này ắt có an lạc. Nếu (???) chữ Vạn là chữ phương này. Trong Tổng Cao Tăng Truyện nói: dịch có bốn lệ: Một là dịch chữ không dịch âm, các lời chú trong kinh là đó; hai là dịch âm không dịch chữ, như chữ (?) trong Hoa Nghiêm là đó. Vì phương này dịch chữ vạn mà tự thể cũng là Phạm thư (sách Phạm?); ba là âm chữ đều dịch, như văn kinh là đó; bốn là âm chữ đều chẳng dịch Tây lai Phạm giáp (?) là đó.

Chữ (?), chương An Số nói: Gọi là chữ Y. Ngoại quốc mới cũ hai chữ Y. Chữ Y xưa là ngang dọc cắt đứt lia nhau mước đây mà so kia. Ngang như lửa dữ, dọc như chấm (giọt) nước, đều chẳng nối nhau. Chẳng ngang chẳng đồng lửa dữ, chẳng dọc chẳng đồng điểm nước. Như ở phương này tướng dưới chữ Thảo (?) các nét nhỏ liền nhau là tướng chữ Y. Chữ Y cũ có thể ví giáo xưa ba đức, pháp thân vốn có, Bát-nhã (do mà) tu thành. Vào Vô Dư rồi mới là giải thoát không còn thân trí. Như dọc điểm nước dọc mà lia nhau. Lại ước thân ước trí phân được Hữu dư giải thoát. Ngang một lúc có ba pháp đều khác. Như ngang lửa dữ chẳng tương quan chữ Y mới là ví nay giáo ba đức pháp thân tức chiếu cũng tức tự tại. Gọi một thành ba, ba không thể khác (ba tức là một). Cho nên không phải ngang, chẳng trước chẳng sau nên chẳng phải dọc. Một tức ba như điểm lớn, ba tức một như nét nhỏ, mà ba mà một, mà một mà ba. Chẳng thể nói một - ba chẳng thể nghĩ một - ba. Cho nên nói bất khả tư nghì. Bất khả tư nghì tức là chẳng ba chẳng một, gọi là Bí Mật Tạng như chữ Y ở đời. Cốc Hưởng nói: Phương Tây chữ có mối cũ, cũng như cõi này có chữ Triện Lệ, đều dùng Triện làm chữ cũ, Lệ làm chữ mới.

Phụ nói pháp lia hợp của tánh và tu.

Sát-tam-ma-ta (Satsamàsa), dịch là Ly Hợp, muốn hiển ba điểm không có tướng ngang dọc là chỉ tu tánh pháp có ly hợp ba đạo rất mê, pháp lý tánh pháp viên cụ (lý tánh thì pháp pháp viên cụ), hai nhân khai ngộ, tu tập thì sự sự viên thông (lý tánh thì pháp pháp viên cụ). Khai thì đều lia thành ba, đối bèn cùng hợp làm một. Đây luận ba điểm thử mở mười môn: Một là Bản văn, hai là Tiêu danh, ba là Thích nghĩa, bốn là Định thể, năm là Thị tướng, sáu là Cứu ý, bảy là Phán giáo, tám là Định vị, chín là Quyết định, mười là Chỉ ngoa.

**1- Bản văn**, là Đại Kinh nói: Tất cả các pháp bản tánh tự không, cũng dùng Bồ-tát tu tập không, thấy các pháp không. Khởi Tín Luận nói: Vì biết pháp tánh thể không xan tham, tùy thuận tu hành Đàn Ba-la-mật. Thiên Thai Biệt Hạnh Huyền nói: Nguyên nhân quả căn bản này tức là tánh đức duyên liễu. Tánh đức này vốn tự có, không phải thích kim này mới có). Lại nói vì hai thứ phương tiện tu tập này dần dần tăng trưởng từng chút, được thành tu đức bao trùm cả Đại thụ. Kinh Khê Bất Nhị Môn nói: Tánh đức chỉ là giới như một niệm, như ba pháp đầy đủ trong giới này. Tánh tuy vốn có nhưng nhờ trí khởi tu. Đây là văn rõ ràng nói về tu tánh. Đại Kinh nói: Pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát-nhã cũng

chẳng phải Niết-bàn. Chương An trong Niết-bàn Huyền Nghĩa Thích, Văn nói: Pháp thân cũng không phải, đầu thể riêng làm ba thân mà giải thích Đại. Văn nói: Giải thoát cũng không phải, đầu thể riêng làm ba thoát mà giải thích Diệt. Văn nói Bát-nhã cũng không phải đầu thể riêng làm ba trí mà giải thích Độ. Cho nên biết đơn thích không phải là ý kinh này. Trong ba đức đầu (mỗi mỗi) câu đều chẳng thể được, ba pháp hợp câu cũng chẳng thể được. Trí Giả Diệu Huyền nói: Diệu Hành cùng Tiền Cảnh Trí một mà luận ba, ba mà luận một. Kinh Khê nói: Lại hiểu thuận tu đối tánh có ly có Hợp. Ly nghĩa là tu tánh đều ba, Hợp nghĩa là tu hai tánh một. Vĩnh Gia nói: Trong Thiên ba thứ phải chọn: Một là có Bát-nhã mà không có giải thoát, pháp thân; hai là có giải thoát mà không có pháp thân, Bát-nhã; ba là có pháp thân mà không có giải thoát, Bát-nhã. Có một không hai nên chẳng viên. Chẳng viên nên chẳng phải tánh. Lại trong Thiên phải chọn ba thứ; một là có Bát-nhã, giải thoát mà không có pháp thân; hai là có giải thoát, pháp thân mà không có Bát-nhã; ba là có pháp thân, Bát-nhã mà không có giải thoát. Có hai không một nên chẳng viên, chẳng viên nên không phải tánh. Trong viên ba thứ phải đủ: một là pháp thân chẳng si tức Bát-nhã, Bát-nhã không đấm trước tức giải thoát, giải thoát tịch diệt tức pháp thân (hai, ba lệ đây). Đây đều là Bản Văn Ly Hợp.

**2- Tiêu Danh**, Tu nghĩa lập hạnh tiến đến khởi hai nhân chánh trợ. Tanh nghĩa là vốn tự thể tánh, tức giới như một niệm. Phàm phu mê nên tự chân khởi vọng cũng như gương - bụi - mắt bệnh (gương bụi che màng), duyên liễu chi (sáng về duyên liễu mà) minh tánh tự tồn cố (tánh tứ còn), đủ đức lý tánh vì người tu ngộ. Bội (trái) trần hợp giác, giống như gương lau mài thì cảnh tượng xấu đẹp bèn hiện. Cho nên có tu thì đức thành.

**3- Thích Nghĩa**, pháp Ly Hợp, Nam Bình Pháp sư từng lập ba nghĩa để trình bày: một Ly là khác (các), Ly nghĩa là tu tánh đều (khác, riêng) ba hợp là cùng, Hợp nghĩa là tu hai, tánh một; hai Ly là khai. Ước tánh thì luôn khai (mở). Hợp là đối đối tu mới hợp; ba Ly là cùng (dữ), cùng (dữ) mà nói. Một tánh vốn đủ ở hai tu, hai tu thường tức ở một tánh. Hợp tức có nghĩa cướp (đoạt), Lý tức tuy đủ Duyên Liễu, cướp (đoạt) mà nói đó. Do chẳng phát tâm, chưa từng gia hạnh, tánh duyên liễu ấy chỉ gọi là chánh nhân, hai tu tuy đủ pháp thân vì nhân trí chiếu (xét), chỉ gọi là Liễu nhân. Vì do khởi hạnh, hợp gọi là duyên nhân.

**4- Định Thể**, muốn bày giáo tướng ly hợp cần tìm pháp thể tu tánh. Bởi vì hoặc tánh hoặc tu đều dùng ba ngàn tổng tướng làm thể.

Nên Khởi Tín Luận nói: Tâm chân như tức là một pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Đó gọi là tâm tánh chẳng sanh chẳng diệt, tâu tuy vốn chân mà bất giác khởi vọng. Kinh nói: Tâm như người thợ vẽ, tạo ác thứ năm ấm. Trong tất cả thế gian không gì chẳng từ tâm tạo, do đây vô minh làm duyên thành pháp chúng sanh. Ngài Duy-ma-cật nói: Ví như người làm trò ảo thuật thấy người huyền. Bồ-tát xem chúng sanh cũng như thế. Do ngộ lý này nên có Phật pháp. Pháp Hoa nói: Chỉ có Phật cùng Phật mới hiểu hết các pháp thật tướng. Mà ba pháp này đã cùng đủ ở ba ngàn, cũng đều nhiếp ở trăm cõi. Thể nó vốn vắng lặng bèn gọi là Lý cụ. Xét ở khởi tâm thì gọi là sự tạo. Tu tánh tuy hai mà ba ngàn thể một. Cho nên Diệu Lạc nói: Chỉ duyên nói lý một. Thế nên tu tánh Ly Hợp đối nhau.

**5- Thị Tướng**, ngài Cô Sơn trong Hiển Tánh Lục nêu tướng lý có nói: Một nhà tu tánh chánh nghĩa tức ước ba Diệu Huyền Văn trước. Cảnh tức tánh ba (ba tánh), trí tức trí ba (ba trí), hạnh tức hạnh ba (ba hạnh). Thêm bậc của hạnh tức các ngôi vị. Nếu đến sơ trụ thì gọi là Tỳ Phần quả thì phần chứng ba pháp vậy. Nếu ở Hợp mà nói thì tức là Hợp tánh làm một Hợp tu làm hai, Hợp lý tánh ba làm một là Chánh nhân pháp thân đức, Hợp trí ba làm một là Liễu nhân Bát-nhã đức, Hợp hạnh ba làm một là Duyên nhân giải thoát đức. Cho nên khai ra đủ chín mà chín chỉ là ba, ba - chín tuy khác mà tánh nó vẫn thường một. Nay hiểu rõ thuyết này văn hội (gặp) nghĩa tiện để giải thích nghĩa lý. Văn hội (gặp) thích châm cảnh tức lý tánh ba đức. Trí tức giải (hiểu) ba đức, hạnh tức quán ba đức. Khi nói nghĩa hợp thì văn hội (gặp) thích châm một gọi (tức) Niết-bàn, ba gọi (tức) ba đức. Nói nghĩa tiện, tức Ly Hợp đã là mê ngộ cùng (dữ) đoạt phải ở Trụ Tiền. Nếu đến sơ trụ thì tu tánh một Hợp không còn phân tướng, sao luận cùng đoạt khác nhau ư?; hai là ngài Tứ Minh trong Chỉ Yếu Sao có nói: Như Quang Minh Huyền mười thứ ba pháp, biện lấy tu tánh pháp tướng trong các kinh luận nên đủ Ly Hợp hai thuyết. Như ba đức của Tam bảo tuy là tột của tu đức nhưng nghĩa ắt gồm tánh. Ba thân ba trí, văn tuy ước ngộ mà lý ắt thông mê. Ba thức ba đạo đã chỉ sự tức lý, ắt toàn tánh khởi tu thì sáu thứ này há chẳng phải là tu tánh đều ba? Ba nhân đã dùng một tánh đối trí hạnh hai tu. Ba Bồ-đề, ba Đại thừa, ba Niết-bàn đều dùng một tánh đối chứng lý mà khởi dụng hai tu. Bốn thứ này há chẳng phải tu hai tánh một. Nay bảo tu tánh một môn, vốn y trí hạnh hai diệu. Đối cảnh thì diệu ở tại lý mê. Đối nhau cũng (dữ) đoạt mà luận Ly Hợp mười thứ ba pháp bèn hiển quả người được chứng ba đức đều thuộc ngộ, bỏ bản văn này mà xa lấy bộ khác

thì đây là văn mê (mê văn). Lại sơn gia Ly Hạp có hai nghĩa: một là ước tu tánh cùng thành, ở tánh thì nói tu thành tánh, tánh tự có ba. Khởi tu thì toàn tánh thành tu, tu tự đủ ba; hai là ước tu tánh đối nhau, Ly thì tu tánh đều ba, mà Hạp thì tu hai tánh một. Nay dùng tu tánh đều ba mà giải tu sáu tánh ba. Đây là môn, hỗn tướng thành đối nhau. Lại loạn số sáu pháp, chín pháp. Đây là nghĩa trái (đều); ba là ngài Tịnh Giác trong Tạp Biên có nói: Tôi từng có văn tâm giải, dẫn đủ lời Huyền Châm chú thích, đại ý cùng Cô Sơn không khác. Chỉ lấy Cảnh - Trí - Hạnh ba thứ mà viên đối ba đức, cho nên Tạp biên nói: Như trong ba thân, pháp thân có thể hiểu, Báo tức Bát-nhã, Ứng tức giải thoát. Trong ba Bát-nhã thì thật tướng tức pháp thân, quán chiếu tức Bát-nhã, văn tự tức giải thoát. Trong bố thí giải thoát thì tánh tịnh tức pháp thân, viên tịnh tức Bát-nhã, phương tiện tịnh tức giải thoát. Đây giống như hạp của chấp tay, hạp của chữ xuyên (?). Nếu dùng tánh đức Duyên Liễu để tu Báo ứng, thì pháp thân trong tu là hạp tánh chánh nhân. Đây mất nghĩa cùng và đoạt. Lại vì trái với Kim Bài, tánh Duyên Liễu đồng gọi là chánh nhân; bốn là ngài Nam bình bỏ hết ly hạp đại để có bốn: một là ba - một, Thích Châm nói: một là nói Niết-bàn, ba là nói ba đức; hai là ba - sáu Kim Bài vốn có ba thứ ba lý, nguyên biển đạt (khấp biết) tánh thành tu tu ba cũng biến (khấp). Ly tuy có sáu, Hạp thì chỉ ba; ba là ba - chín: Ly nghĩa là tu tánh đều ba, Hạp tức là tu hai tánh một; bốn là tánh chín tu mười tám, Như Văn nói: Quang Minh mộng thấy trống vàng. Nay nói ba - một, một - chín là là chánh nghĩa Ly Hạp. Tu ba tánh ba là thuộc toàn tánh để khởi tu, không phải đối biện ở Ly Hạp; năm là Tiên Bẩm Thanh Biện Lão Sư từng phân ra hai nghĩa; một là tu tánh đều luận Ly Hạp; hai là tu tánh đối luận Ly Hạp.

1/ Đều luận là Như kim bài nói: Vốn có ba thứ ba thứ Ly nguyên biến (khấp). Đây bèn ở tánh thì toàn tu thành tánh. Tánh tự lìa (ly) chín, tự Hạp thành ba. Đạt tánh thành tu, tu ba cũng biến (khấp), đây bởi khởi tu thì toàn tánh thành tu. Tu cùng lìa chín cũng Hạp thành ba. Đây là ước với Hoàn luận hai lớp Ly Hạp.

2/ Đối luận là như Thích Châm nói: Ly nghĩa là tu tánh đều ba, tánh không thể dời, tu thường rõ như thế. Cho nên có chín pháp. Hạp nghĩa tu hai tánh một. Đây là Ước Công Lực Cùng Đoạt đối nhau mà luận. Trong Hạp Tánh Duyên Liễu không công chê là một tánh, Tu Đức pháp thân thọ huân đoạt gọi hai tu. Đây là ước Thụ Luận một phen Ly Hạp.

**6- Cứu ý**, nay tông bày pháp Ly Hạp này là hiển bày pháp thể bất

tư nghi. Vì sao? Vì tuy luận Hợp ba làm một, nhưng một chẳng nhất định một, một tự luôn luôn ba. Tuy nói Ly một làm ba, mà ba chẳng nhất định ba, ba tự luôn một. Cho nên Chương An nói: Hoành thì càng cao mà Thụ thì càng rộng, Hội thì luôn phân mà phái thì luôn Hợp.

**7- Phán giáo**, Như Kim Bài nói: Luận sanh hai giáo Tự v.v... sáng đủ, Biệt giáo chẳng nói chung cụ đẳng nghĩa (nghĩa chung cụ v.v...) đây không thể kể ra. Cho nên Biệt Phật tánh thì diệt kiến chín phương, người viên thì đạt ba đạo chín cõi tức thấy viên ba đức thể khắp. Biệt giáo chẳng nói chung cụ (các thứ cụ), bèn nói Tu Tánh Tu Hoành. Viên tông do bày thể khắp nên diễn nói Tu Tánh Ly Hợp. Đây là hiển cùng mà chẳng tạp (lộn xộn), lại bày lia mà chẳng phân.

**8- Định vị**, giáo đã chỉ viên, vị cần giản lạm: một là thuộc (cục) Trụ tiền, hai là Thông sơ hậu, ba là bày cực quả.

1/ Thuộc trụ tiền, thì Bất Nhị Môn nói: Như gương xưa nay đủ ba, y lý mà sanh giải (hiểu) nên gọi là trí. Trí hiểu dất hạnh, hạnh hiểu thì khế lý. Sơ trụ đã ba pháp phụ hợp nhau, thì cùng (dữ) đoạt, Ly Hợp thuộc Trụ tiền vậy.

2/ Thông sơ hậu thì hiển tánh lục nói: Một nhà Duyên Liễu vị cạn sâu, dữ đoạt chẳng phải chỉ một đường. Như Pháp Hoa Thọ Lượng Sơ Văn thì Trụ tiền thông là duyên nhân. Sơ trụ chân chánh hiển liễu bèn là liễu nhân, vì ước với Thanh văn nghe kinh được ký, liền vào sơ trụ. Đây là ước chân tự phân duyên liễu. Nếu được Thảo Dự Sơ thì chỉ thủ cứu cánh (đến tay rốt ráo) gọi là trí ba, trung gian bốn tức đều là hạnh ba. Vì thuận kinh Văn Cứu Cánh đến Nhất thiết trí (tất cả trí). Đây bèn phân cực, phân duyên liễu. Như Pháp sư Phẩm Sơ thì đạo Tiên chân như tức là chánh nhân, đạo Trung chân như tức là duyên nhân, cũng gọi là liễu nhân. Đạo Chung chân như tức là viên quả. Ký nói: Đây đem tu đức mà đối với chánh nhân kia, trong chánh duyên liễu đồng thành chánh nhân. Trong tu chánh nhân đồng thành duyên liễu. Lại nói đây dùng Bác địa làm Đạo tiền. Phát tâm rồi thì làm Đạo trung, vị phân làm hai. Trụ tiền là duyên, Đẳng (lên) trụ rồi bỏ đi là liễu. Đây thì ba nhân này đều thông một giáo.

3/ Nói Cực quả, Niết-bàn Huyền Thích Đại Diệt Độ Văn nói: Pháp thân cũng không phải, đâu thể riêng làm ba thân mà giải thích đại. Văn nói giải thoát cũng không phải, đâu thể riêng làm ba thoát mà giải thích diệt. Văn nói Bát-nhã cũng không phải, đâu thể riêng làm ba trí mà giải thích độ. Tiên Đạt bèn gọi Đại Diệt Độ ba thứ đều mở chín, bèn thành Ly làm hai mươi bảy pháp. Nay bảo Chương An Huyền nói:

Tuy một mà ba, tuy ba mà một, tuy là ba - một mà không phải ba - một, tuy không phải ba - một mà ba mà một, chẳng thể nghĩ bàn nhiếp tất cả pháp. Tổ sư vì hiển ba đức viên dung khác với tung hoành riêng khác. Hậ Duệ phân tích làm hai mươi bảy pháp thì cách đạo rất xa.

**9- Quyết nghi**, có người hỏi: Trong tánh ba pháp nếu khởi hai tu bèn hiển chỉ có một pháp, sao nói hợp ba làm một? Nam Bình giải thích rằng: Chỉ một - ba Đức mà nói có khai hợp. Nếu từ mê mà luận thì hợp ba làm một, nếu từ ngộ mà nói thì khởi tu là hai, như thân và cánh tay nếu cột lại thì hợp làm một thân, nếu mở ra thì khai làm ba chỗ. Tiên Sư giải rằng: Trọn ngày tùy duyên, tuy khởi hai tu mà ngại gì trong tánh trọn ngày bất biến. Đó gọi là tánh không đời, mà tu luôn luôn như thế.

**10- Chỉ ngoa** (chỉ chỗ sai), Quang Minh Sám Hối Phẩm nói: Trong mộng thấy nghe có hai: Một là mộng thấy trống vàng, hai là mộng thấy đánh trống. Thấy trống lại có ba: Một là thấy cái trống, hai là thấy ánh sáng của trống, ba là thấy Phật trong ánh sáng. Mộng thấy trống vẫn có ba: một là thấy đánh trống, hai là phát ra tiếng lớn, ba là tiếng trống có nói năng. Xưa nói mộng thấy trống vàng ba thân đều ba là chín pháp trong tánh. Mộng thấy đánh trống là chín pháp trong tu, bèn nói  $3 \times 9 = 27$  pháp. Tân Ký chê rằng: Văn trước thấy trống là ba pháp thân, tức cảnh ba, ba ánh sáng của trống tức trí ba, thấy ba Phật tức dụng ba. Văn này chỉ nói người hay gõ dùng trí mà đánh trống, đâu từng luận ở tu tánh hai mươi bảy pháp ư? Lại như Tứ Minh Ký nói: Trống trên biểu thị cho ba quang ba Phật, ba chỉ là một - ba. Nay đối tín tướng cơ trí sở quán hợp ba làm một. Chỉ gọi là pháp thân. Đây bèn gương sáng tu tánh dung tức. Người học tông này phải biết chữ Y ba chấm ... ở đời, ba mắt của chúa trời, tung hoành của Di Biệt Giáo mà lập viên tông ly hợp, bày tu tánh Nhất thiết trí, hiểu chúng sanh và Phật đồng nguồn mà dứt hết nghĩ bàn không còn tính đếm. Cho nên ngài Tịnh Danh từ tang ở Tỳ-da, Thích-ca hết nói ở Ma-kiệt, cho nên gọi là pháp bất tư nghi.

## 56. PHIÊN NÃO HOẶC NGHIỆP.

Phiên não bình đẳng thể vốn một, Niết-bàn sanh tử thấy có hai. Nếu biết rõ tướng như thật, hiểu rõ tướng huyễn hóa, vì bày từ huệ là để tự tham sân si. Cho nên Đại Tập nói: Xa lìa tất cả phiên não, thanh tịnh vô cấu cũng chân thật, tâm ấy ắt làm ánh sáng lớn, ấy gọi Bảo Cự Đà-la-ni.

A-lê-da (Alaya), Khởi Tín Luận nói: Vì y vào thức A-lê-da nên nói có vô minh bất giác mà khởi hay thấy hay hiện hay lấy cảnh giới mà



khởi niệm liên tục nên gọi là ý. Đây là nói vô minh làm duyên để sanh ba tế gọi là vô minh hoặc. Cảnh giới làm duyên mà sanh sáu thô, gọi là kiến tư hoặc. Vô minh là căn bản hoặc nó chướng trung đạo lý, nên phải tu trung quán mà riêng phá biệt hoặc này. Không thể là hoặc nhánh lá nó chướng lý chân đế, nên phải tu không quán mà phá thông (chung) hoặc này. Các hoặc thông biệt đều mất thì lý chân trung liền hiện.

Tát-ca-da (Svakayadrsti), Tụng Sở gọi đủ là Tát-ca-da Đạt-lị-sắc-trí, dịch là Thân kiến. Bách Pháp Sở rằng: Nghĩa là ở năm uẩn mà chấp ngã ngã sở tất cả các thấy đến nương tựa làm nghiệp.

Đạt-lê-xá-na (Darsana), dịch là kiến, kiến có năm thứ: Một là thân kiến (chấp ngã, ngã sở làm thân), hai là biên kiến (chấp có đoạn thường), ba là kiến thủ (chấp lấy kém làm hơn), bốn là giới thủ (không phải nhân gọi là nhân), năm là tà kiến (chấp không nhân quả). Đủ năm thứ này gọi là kiến hoặc. Chỉ Quán nói: Kiến tức là thấy, thấy lý, thấy thật không lầm. Khi thấy lý thì có thể đoạn hoặc này, từ hiểu (giải?) mà được tên nên gọi kiến hoặc. Lại kiến hoặc không phải chỉ từ hiểu mà được tên, cũng ở đương thể mà được tên, gọi đó là giả. Giả là hư vọng điên đảo nên gọi là giả. Phải biết kiến hoặc có ba thứ: một là Cu sanh kiến, hai là suy (thôi) Lý kiến, ba là phát đặc kiến.

1/ Cu sanh kiến là, Chỉ Quán nói: Năm độn đầu cần phải tham sân, như các loài sâu bọ nhỏ nhặt thật không có suy (thôi) lý mà sừng lông trộn mắt nổi giận. Phàm phu thấp kém đầu từng chấp kiến đi đứng ngồi nằm luôn khởi tâm ngã, cho nên biết năm độn không phải chẳng có lợi.

2/ Suy lý kiến, Chỉ Quán nói: Nay ước vị mà phân khiến chẳng lộn vào nhau. Như người chưa phát thiền thì tuy có thế trí suy (thôi) lý biện thông, nhưng kiến tưởng còn yếu nên có mười sử đồng thuộc ở độn.

3/ Phát đặc kiến, Chỉ Quán nói: Từ Nhân nhất định phát kiến, kiến tâm rất mạnh mẽ, chỗ có mười sử từ cương mà được tên, đều thuộc ở lợi. Lược nói: Có ba kiết, rộng nói có tám mươi tám sử.

Lược nói ba kiết, một là thân kiến, hai là giới thủ, ba là nghi sử, lại thêm tham, sân thì gọi là năm phần dưới như Diệu Lạc nói: Nói năm phần dưới là tham tuy thông trên nhưng chẳng phải chỉ trên, chỉ một sân dưới lại chẳng thông trên, các thứ kia khắp nhiếp tất cả kiến hoặc. Nay hỏi kiến thông năm lợi vì sao Câu-xá chỉ nói ba kiết? Đáp: Như Luận Tụng nói: Vì nhiếp căn môn. Nói căn môn, là thân kiến tức khổ môn, giới cấm thủ tức khổ đạo hai môn. Nghi thông với bốn môn gọi là tứ đế. Nói nhiếp căn là biên kiến thân kiến mà chuyển, kiến thủ y giới



cắm thủ mà chuyển, tà kiến y nghi mà chuyển. Cho nên ba kiến này tức nhiếp năm kiến. Hỏi: Kiến hoặc đã trải bốn đế ba cõi sao nói ba thứ kia nhiếp khắp tất cả kiến hoặc tuy đã thông trên mà lại kéo dưới sao? Đáp: Đế bị mê tuy thông ba cõi, nhưng hoặc hay kéo chính ở Dục giới. Cho nên nói đầu đoạn tham sân v.v... cho đến vô sở hữu, thì do thân kiến v.v... phải trở lại Dục giới. Hỏi: Như Diệu Huyền nói: Đoạn hoặc đế kiến mà lại gồm trừ bốn Tư, chưa biết pháp nào là Tư? Đáp: Đây lấy Tư của bốn thú làm bốn Tư. Vì Diệu Huyền nhân minh nhân ích, thế nên vị phạm phu mà trì giới thì phục được nghiệp bốn thú. Sơ quả tu quán thì đoạn được Tư bốn thú. Vì Cu sanh thôi kiến hai Tư tùy kiến mà lạc (đọa lạc) (theo kiến mà rụng) bèn nói là gồm trừ. Nên biết Tư hoặc có ba thứ: Một là Cu sanh tư cùng hình cu sanh (thân cùng) như nam nữ gá thai vọng cha mẹ vượt ái ác tâm. Đây là tà tư lại qui về kiến hoặc; hai là Y kiến tư, Chỉ Quán nói: Năm lợi há chỉ kiến hoặc, đâu từng không nhuế dục ư? Hỏi: Chỉ Quán nói: Nếu trong Lợi mà có Độn, kiến đế chỉ đoạn ở Lợi mà Độn thì cũng còn. Đáp: Theo Chỉ Quán nói: Tỳ-đàm nói Độn trên Lợi gọi là Bối Thượng Sử. Khi kiến đế đoạn thì chánh lợi đã bỏ (đi?) Bối Sử cũng bỏ (đi?). Phược Tư ba cõi: Tức là chín phẩm Tư hoặc ba cõi đây gọi là Độn sử, cũng gọi là Sự chướng, gọi chánh ba độc. Phạm bẫy tình thì Ái nộ (yêu giận) hai thứ sanh mà tự năng. Hai thứ ấy là gốc của tánh, là đầu mối của các ác, trẻ con thấy sữa ắt đòi, không được thì khóc. Đó là Ái, Nộ (yêu, giận) với đứa bé cùng sanh vậy. Hỏi: Năm phần trên: Một là Trạo cử, hai là Mạn, ba là Vô minh, bốn là Sắc nhiễm, năm là Vô sắc nhiễm vì sao thượng giới mà không nghi? Đáp: Nghi theo kiến mà rụng, cho nên không có hoặc này. Tịnh Danh Sơ lấy năm cái phối với bốn phần: Tham dục, Sân nhuế, Thùy nghi thuộc si, Trạo tán là ngã thủ. Chỉ Quán nói: Trạo có ba thứ: Một là Thân trạo thân thích chạy nhảy các thứ đùa giỡn ngồi không tạm yên; hai là Khẩu trạo, là thích ngâm vịnh cãi cọ phải quấy, nói năng bàn luận thế gian vô ích; ba là Tâm trạo, tâm tình buông lung, mặc ý phan duyên suy nghĩ van nghệ tài giỏi thế gian và các ác giác quán v.v... gọi là Tâm trạo. Bốn thứ này đều sanh ra hai mươi một ngàn (21.000). Tân Hoa Nghiêm nói: Tham nhiều hai mươi một ngàn, Sân nhiều hai mươi một ngàn, Si nhiều hai mươi một ngàn, Đẳng phần hai mươi một ngàn, hiểu biết như thế đều là hư vọng. Thùy Dụ giải thích mười triền là Tư hoặc. Phần nhuế gọi là sân. Tự giấu lỗi mình gọi là phú. Ý thức hôn mê gọi là Thùy, năm tình mờ tối gọi là miên. Đùa giỡn gọi là Hí. Ba nghiệp dao động gọi là Trạo. Chỗ vắng tạo tội chẳng tự xấu hổ gọi là vô tâm.

Chỗ có người tạo tội không xấu hổ với người gọi là vô quý. Tiền của tiếc không bố thí gọi là xan. Thấy người khác giàu sướng mà lòng nóng bức gọi là tật (ganh ghét). Câu-xá Tụng nói: Triền tám: Vô tầm quý, tật xa và hối miên cùng trạo cử hôn trầm hoặc mười thì thêm phần phú. Lăng Nghiêm nói mười tập: 1- Dâm tập, 2- Tham, 3- Mạn, 4- Sân, 5- Trá tập, 6- Cuống, 7- Oán, 8- Kiến, 9- Uổng, 10- Tụng tập.

Ni-diên-để (Nyanti), dịch là thâm nhập, tức tên khác của tham. Người tham có hai thứ: Một là có lực, hai là vô lực. Với cảnh được tham thì Thiền Môn nói có ba thứ: Một là ngoại tham dục, là nam duyên với nữ, nữ duyên với nam; hai là ngoại tham dục, là ngoài duyên với thân tướng nam nữ lại duyên hình dạng trong thân; ba là khắp tất chỗ tham dục, chúng sanh đắm mê mọi chỗ. Câu-xá luận nói có bốn thứ: Một là nhan sắc, tức là xanh vàng đỏ trắng; hai là hình sắc, tức dài ngắn vuông tròn; ba là Diệu xúc (đụng chạm); bốn là cung phụng (săn sóc). Đại Luận nói có sáu thứ: Một là đắm sắc như đỏ trắng vàng đen; hai là đắm mê hình dung như da mịn, tay nhọn mắt mày đẹp; ba là mê đắm cử chỉ (oai nghi), tới lui ngồi đứng lễ bái cúi ngược, nháy mắt, vuốt ve; bốn là mê đắm tiếng nói, dịu dàng lời lẽ ý tứ; năm là đắm mê trơn láng mềm mại da mềm mát rượi; sáu là đắm mê tiếng người hoặc nam hoặc nữ.

Yết-tra-tư, dịch là tên khác của ái. Niết-bàn nói: Sông ái chảy ngược giết chúng sanh, vô minh khiến mù không thể thoát khỏi tham và ái. Khuê Phong trong Viên giác có bốn cú giải thích rằng: Một có tham không ái, hai có ái không tham, ba cũng tham cũng ái, bốn không tham không ái. Quán Tử nói: Có lợi ở đó, tuy núi cao ngàn trượng (cho mấy) cũng trèo, khe sâu cho mấy cũng lội. Người buôn bán có lợi liền làm suốt ngày đêm ngàn dặm cũng không xa. Người đánh cá vào biển, biển sâu mấy trăm nhữn cũng lướt sóng ngày đêm không bỏ ấy là vì lợi ở nước. Ngư phụ có tám lỗi: Một không phải việc của mình chen vào gọi là Tổng. Không ngó mà tiến gọi là nịnh. Theo ý mong muốn dặt lời gọi là Siễm. Không chọn phải quấy mà nói gọi là Du. Ham nói xấu người khác gọi là Sàm. Phá tan tình giao hảo thân thiết gọi là Tặc. Khen ngợi đối trá để phiến ác người gọi là Nặc không chọn thiện phủ lương dong nhan thích thâu bại kỳ sở dục gọi là Hiểm. Tám lỗi này ngoài thì loạn người, trong thì hại thân mình. Quân tử không có bạn, vua sáng không có tôi. Việc Ngư phụ có bốn nạn: Thích trái việc lớn biến đổi dị thường, để đeo công danh gọi đó là thao chuyên biết chiếm việc xâm phạm người tự chuyên quyền gọi là Tham. Thấy lỗi mà không đổi khuyên ngăn càng làm tới gọi là ngoan (ngoan cố). Người giống mình thì được

không giống mình mà thiện cũng là bất thiện thì gọi là căng.

Đề-tỳ-sa (Devesa), dịch là sân nhuế. Nhuế độ là hận (giận ngầm là hận = hờn). Thiền Môn nói: Có ba thứ sân: Một là phi lý sân, là người ta không phiên mình mà tự giận; hai là thuận lý sân, là người ngoài đến quấy não mới giận. Cũng như Tịnh độ có chánh ba độc; ba là trung tụng sân, pháp mình chấp là phải, pháp người chấp là quấy do đó không thuận mà sanh buồn giận.

Mộ-hà (Môha), dịch là si. Thiền Môn nói có ba thứ si: Một là chấp đoạn thường, các pháp quá khứ có mất chẳng, các pháp hiện tại không mất chẳng. Suy tìm ba đời, nếu mất tức là đoạn, nếu không mất tức là thường; hai là chấp có vô ngã và ấm v.v... chẳng, có hay không? Như thế cho đến chẳng có chẳng không; ba là chấp tánh đời mà nghĩ rằng: Do có bụi bặm tức có thật pháp, vì có thật pháp nên có bốn đại. Có bốn đại nên có giả gọi chúng sanh thế gian. Nhân nghĩ này mà làm tà đạo kinh A-hàm Chánh Hạnh nói: Phật ngồi suy nghĩ vì người ngu nên có sanh tử, những gì là si, vốn từ trong si mà đến, nay sinh ; làm người lại si tâm chẳng hiểu (cởi bỏ?) tự chẳng nghe chẳng biết chết rồi đi về đâu? Thấy Phật chẳng hỏi, thấy kinh chẳng đọc, thấy Sa-môn không thờ phụng, không tin đạo đức, thấy cha mẹ không kính trọng. Không nghĩ thế gian là khổ, chẳng biết trong địa ngục có tánh đập, khảo tra. Đó gọi là si, cho nên có sanh tử không thôi. Sanh tử như khoảng hơi thở không hơn một mạng người. Vậy tham sân si này gọi là ba độc - Trung Ấm kinh nói: Nặng của ba độc thì bệnh si là gốc. Lại ba độc này cần phân hai thứ: Một là hoặc ba độc. Biệt Hạnh Ký nói: Mặc tình khởi lên gọi là phiền não. Chỉ Quán nói: Pháp hôn phiền làm não loạn tâm thần, làm phiền tâm khiến tâm bị não; hai là nghiệp ba độc. Biệt Hạnh Ký nói: Chợt khởi quyết định hay động thân khẩu gọi là nghiệp ba độc. Thụy Ứng nói: Tham dục gây già, sân giận gây bệnh, ngu si gây chết. Nghĩa thôi đặng phần gây sanh. Lại cần phải biết nghiệp có nhiều thứ. Như Trí Luận nói: Hắc nghiệp là nghiệp bất thiện, quả báo là ở địa ngục chịu khổ não. Trong đó chúng sanh rất khổ não nên gọi là Hắc. Chỗ nhận quả báo thiện là các trời trong ba cõi vì họ được vui tùy ý tự tại sáng sủa nên gọi là Bạch Nghiệp. Chỗ nhận quả báo thiện và bất thiện là A-tu-la tám bộ, chỗ này chịu vui và khổ, nên gọi là Bạch Hắc Nghiệp. Hỏi: Nghiệp vô lậu phải gọi là Bạch, vì sao lại gọi là phi Bạch phi Hắc? Đáp: Pháp vô lậu tuy thanh tịnh vô cấu, vì không vô tướng vô tác nên không có chỗ phân biệt nên không được nói Bạch. Hắc Bạch là tướng đối đãi. Trong đây không tương đối đãi nên không được nói Bạch. Lại

nữa, nghiệp vô lậu hay diệt tất cả các quán, trong quán có phân biệt nên có Hắc Bạch. Trong đây không quán nên không có Bạch v.v... Song Di Giáo nói: Ta như thầy thuốc, biết bệnh nói thuốc. Diệu Huyền nói: Làm Đại Ý Vương (vua thầy thuốc) phải biết mạch các thứ bệnh, biết các thứ thuốc, biết các cách trị, được các thứ sai khác. Nhân vương nói: Phật biết chúng sanh có ba thứ bệnh: Một là bệnh tham, hai là bệnh sân, ba là bệnh si. Đã biết các bệnh này thì phải dùng thuốc. Nên Nhân Vương nói: Trị tham, sân, si ba căn bất thiện, khởi thí từ bi ba thứ thiện căn. Trị tham thì dạy bố thí. Nên Quang Minh nói: Bỏ các tay chân chi tiết quý trọng. Trị sân thì dạy cho hành từ bi. Nên Pháp Hoa nói: Luôn nhu hòa hay nhẫn, từ bi đối với tất cả. Trị si thì dạy cho ta trí tuệ. Nên Di Giáo nói: Người thật trí tuệ là thuyền bè chắc chắn vượt qua biển Lão Bệnh Tử, cũng là đèn sáng lớn trong đêm tối vô minh. Tuy có thuốc này uống hay không uống chẳng phải lỗi của thầy thuốc. Cho nên Hoa Nghiêm nói: Thí như thuốc hay tự trị bệnh mình chẳng được. Đối với pháp mà chỉ học nhiều chẳng tu thì cũng thế.

A-kỳ-tỳ-già (Ajīvaka), dịch là tà mạng, vì đem pháp tà mà nuôi sống mạng căn. Trí Luận nói: Như trong kinh Xá-lợi-phất vào thành khát thực, được rồi ngó vào vách ngồi ăn. Lúc đó có con gái của một Phạm Chí tên là Tịnh Mục thấy mà hỏi rằng: Sa-môn ăn chẳng? Đáp: Ăn. Tịnh Mục hỏi: Cúi miệng mà ăn hay ngửa miệng mà ăn, phương khẩu mà ăn hay bốn duy mà ăn thì đều đáp là không. Tịnh Mục nói: Phép ăn có bốn thứ, tôi hỏi thầy, thầy bảo không, tôi chẳng hiểu. Thầy nên nói rõ. Xá-lợi-phất nói: Có người xuất gia hết thuốc trồng lúa trồng cây... bất tịnh mà nuôi mạng sống thì gọi là cúi miệng (hạ khẩu) mà ăn. Có người xuất gia xem các sao mặt trăng mặt trời gió mưa sấm sét... bất tịnh mà nuôi mạng sống gọi là ngửa miệng (ngưỡng khẩu) mà ăn. Có người xuất gia xua nịnh đám giàu sang thế lực, đi sứ bốn phương, khéo nói xin nhiều, bất tịnh mà nuôi mạng sống thì gọi là phương khẩu mà ăn. Có người xuất gia học các thứ chú thuật bói toán kiết hung như thế mà nuôi mạng sống thì gọi là bốn duy mà ăn. Chị tôi không rơi vào bốn thứ ăn bất tịnh này. Tôi dùng xin ăn thanh tịnh mà nuôi mạng sống. Khi Tịnh Mục nghe nói cách ăn thanh tịnh thì vui mừng tin hiểu. Xá-lợi-phất nhân đó vì nói pháp cho nghe mà được quả Tu-đà-hoàn. Lại Trí Luận giải thích tám Chánh đạo rằng: Năm thứ tà mạng phải dùng cúng dường trí tuệ mà lìa bỏ, đó là chánh mạng. Thế nào là năm thứ tà mạng? Đáp: Một là vì lợi dưỡng mà giả làm việc lạ lùng; hai là vì lợi dưỡng mà tự khoe công đức mình; ba là vì lợi dưỡng mà xem tướng đoán kiết hung;

bốn là vì lợi dưỡng mà lớn tiếng ra uy khiến người kính sợ; năm là vì lợi dưỡng mà khen nói chỗ được cúng dưỡng để động lòng người. Tà nhân duyên mà nuôi mạng sống, nên gọi là Tà Mạng.

A-la-già (Ràga), dịch là dục, có nghĩa mong cầu. Năm thứ tình ham muốn gọi là Ngũ (năm) dục. Đại Luận nói: Thương thay chúng sanh thường bị Ngũ (năm) dục quấy phá mà mong cầu chẳng thôi. Năm thứ dục này chuyển mạnh như bệnh ngứa mà hơ lửa. Năm dục vô ích như chó gặm xương, năm dục tranh nhau như chim tranh thịt, năm dục đốt người như cầm đuốc đi ngược gió, năm dục hại người như đập nhầm rấn độc, năm dục không thật như được vật khi nằm mộng, năm dục không lâu quả có trong phút chốc, người đời mê lầm đắm mê năm dục đến chết không buông, mà đời sau chịu khổ vô lượng. Ví như người ngu tham đắm trái ngon leo lên cây ăn mãi không xuống, người ta đốn cây, cây ngã té xuống, thân đầu đập nát đầu đốn mà chết. Song năm dục này phân giới nội ngoại. Như Đại Luận nói: Nhị thừa chỉ đoạn năm dục giới nội, cho nên năm dục thế gian chẳng động được. Biệt hoặc chưa trừ nên còn bị thương diệu sắc thính giới ngoại làm ô nhiễm. Cho nên Ca-diếp nói: Năm dục ba giới ta đã đoạn xong không thể động tâm ta được, còn đây là năm dục diệu tịnh của Bồ-tát, ta đối với việc này chẳng thể tự an được. Đây là Ca-diếp bị thính giới ngoại làm động. Thiên nữ tán hoa Xá-lợi phải đi bảo rằng: Đây là sắc giới ngoại làm động. Lại phân biệt sanh tử Niết-bàn. Có phân biệt khác cũng là Biệt kiến. Đây là bị pháp trần mê hoặc.

Xa-tha (Sàthya), dịch là siểm khúc. Vọng mạo tha cố kiêu thiết dị nghi khúc thuận thời nhân.

### 57. PHÁP TÂM - Ý - THỨC.

Hoa Nghiêm nói: Các nghiệp hư vọng chứa nhóm gọi là tâm. Mạt-na thì suy lường, ý thức thì phân biệt, nhãn v.v... năm thức kia thì hiểu rõ cảnh chẳng đồng. Phạm phu ngu si chẳng thể hay biết. Sợ già bệnh chết cầu vào Niết-bàn. Sanh tử Niết-bàn hai thứ đều chẳng biết; ở tất cả cảnh mà vọng khởi phân biệt. Lăng Già nói: Lược nói thì có ba thứ thức, rộng nói thì có tám tướng. Thế nào là ba, đó là Chân thức, Hiện thức và Phân biệt sự thức. Ngài Đại Huệ ví như gương sáng chứa các hình ảnh (sắc tượng). Hiện thức hiện xứ (chỗ) cũng lại như thế. Ngài Đại Huệ nói: Hiện thức và Phân biệt sự thức, hai thứ này tướng hoại và bất hoại xoay vần làm nhân (là nhân xoay vần?). Ngài Đại Huệ nói: Bất tư nghi Huân, bất tư nghi Biến là nhân của Hiện thức. Ngài Đại Huệ

nói: lấy các thứ Trần và Vô thủy vọng tưởng huân là nhân của Phân biệt sự thức. Lại nói: Ví như sóng lớn biển cả là do gió dữ khởi lên, sóng nhào lộn gầm thét mãi không dứt. Biển Tạng thức thì thường trụ. Cảnh bị gió thổi động, các sóng thức nổi lên nhào lộn mà sanh ra (mà khiến). Lại Lăng Già, ngài Đại Huệ bạch Phật rằng: Cúi mong Thế Tôn lại vì con mà nói Âm nhập giới sanh diệt, nó không có ngã thì ai sanh ai diệt. Người ngu y vào sanh diệt mà không biết khổ (hết) cũng không biết Niết-bàn. Phật bảo Đại Huệ: Tạng của Như Lai là nhân thiện, bất thiện có thể hưng khởi tất cả thú sanh. Ví như người làm trò ảo thuật (người tài giỏi?) (con hát) biến hiện ác thú. Là ngã và ngã sở chẳng biết nó do ba duyên hòa hợp phương tiện mà sanh. Ngoại đạo chẳng biết chấp là có người làm (tác giả) mà bị vô thủy hư vọng ác tập nó hun đúc (huân lầy) gọi là Thức Tạng. Sanh vô minh trụ địa cùng bảy thức đều có như sóng biển sanh mãi không dứt, lìa lỗi vô thường, lìa luận về ngã tự tánh vô cấu rốt ráo thanh tịnh. Ngoài ra các thức có sanh có diệt ý ý thức v.v... niệm niệm có bảy nhân, các vọng tưởng chẳng thật, lấy tất cả hình xứ của các cảnh giới mà chấp lấy danh tướng, chẳng biết các sắc tướng là do tâm mình hiện ra, chẳng biết khổ vui, chẳng đến giải thoát. Lại có kệ rằng: Như con hát giỏi, ý như họa hát, năm thức là bạn bè, vọng tưởng chúng xem hát. Đại Thừa Nhập Lăng Già nói: Tâm hay chứa nhóm nghiệp, ý hay rộng chứa nhóm, liễu biệt nên gọi thức, đối hiện cảnh nói năm. Bà-sa hỏi: Ba thứ này sao khác? Đáp: Hoặc khác chẳng khác. Nói chẳng khác là tâm tức ý thức. Như lửa gọi là ánh lửa, cũng gọi là cháy hoặc đốt củi, chỉ là một tâm mà có ba sai khác. Nói có khác là tên tức sai khác. Hoặc nói quá khứ gọi là ý, vị lai gọi là tâm, hiện tại gọi là thức. Hoặc nói: Ở giới gọi là tâm, ở nhập gọi là y, ở ấm ở gọi là thức. Hoặc nói: Tập sắc gọi là tâm như sáu đạo do tâm. Hệ thuộc gọi là ý như năm căn thuộc ý. Nói tướng gọi là thức như Phật biệt thuộc thức. Lại Diệu Lạc dẫn Câu-xá nói: Tập khởi gọi là tâm, tư lương gọi là ý, liễu biệt gọi là thức. Ở nó một mực toàn không tức (hiểu) lý. Như trong Đại thừa thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ bảy gọi là ý, thức thứ sáu gọi là thức, sáu thức gọi là thức. Giáo đó là mê lại không tức lý cho nên là Thiên tiểu giáo pháp hữu lậu. Toàn vô tánh tịnh tức là Lý thường trụ. Rất ít người biết điều này. Trong kinh Đại Bảo Tích Phật nói: Nói về thức, tức là hay hiểu biết. Mắt biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết mùi. Lưỡi biết vị, thân biết đụng chạm, ý biết pháp. Đó gọi là thức. Nói về Trí là bên trong vắng lặng, chẳng làm bên ngoài chỉ y vào trí chẳng ở một pháp nào mà sanh phân biệt và các thứ phân biệt. Đó gọi là trí. Trong



kinh Đại Thừa Đồng Tánh nói: Vua Lăng Già bạch Phật rằng: Chúng sanh như thế nào bỏ thọ mạng này lấy thọ mạng kia, bỏ thân cũ lấy thân mới? Phật nói chúng sanh bỏ thân này rồi thì sức gió nghiệp thổi lên đời thức đem đi từ chỗ thọ nghiệp mà nhận chịu quả báo. Ngài Khuê Sơn nói: Muốn nghiệm biết lúc lâm chung thọ sanh tự tại hay không tự tại thì chỉ nghiệm biết lúc bình thường tâm mình đối với trần cảnh tự do hay không tự do trong suốt hai mươi bốn giờ mà tỉnh xét.

Ô-lặc-đà, phương này dịch là thảo mộc tâm.

Hỷ-lặc-đà (Hrd) dịch là Tích tụ tinh yếu tâm.

Hất-lị-đà-la (Hrdaya), dịch là Nhục đoàn tâm (trái tim thịt). Như kinh Huỳnh Đình Ngũ Tạng Luận nói. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Tâm như hoa sen mở khép. Đề vị nói tâm như Đế Vương, đều là nhục đoàn tâm, do sắc pháp nhiếp.

Bể-la-thi (Pezi) hoặc Bế thi, dịch là nhục đoàn (cục thịt) thấy trong kinh Âm Nghĩa.

Chất-đa-la (Citta) hoặc chất đế, hay gọi Ba-trà, dịch là tâm. Huỳnh Đình Kinh năm Tạng luận xem là Thần. Ngoại đạo Tây Vực chấp là ngã. Phật giáo cõi này dịch là Duyên lự tâm. Đây thông tám thức nghĩa là mất duyên sắc, cho đến thức thứ tám duyên căn thân chủng tử khí thế gian. Cho nên nói: Tập khởi để giải tâm thức tám riêng gọi là tâm, Duyên lự để giải tâm thức chung gọi là tâm song duyên lự này cũng gọi là lự tri. Bách Pháp Luận Số nói: Tâm pháp có sáu nghĩa: 1- Tập khởi gọi là tâm, chỉ thuộc thức thứ tám, tập hợp các chủng tử mà khởi hiện hành; 2- Tích tập gọi là tâm, thuộc bảy thức trước chuyển, hay huân tích tập các pháp chủng. Hoặc trước tập khởi thuộc bảy thức trước chuyển vì hiện hành cùng tập huân khởi chủng. Hoặc sau tích tập gọi là tâm thuộc Hàm tàng thức tám, vì tích tập các pháp chủng. Hai giải trên tuy đều có nghĩa Năng tập Sở tập. Nay chỉ lấy Năng tập gọi là tâm, đúng lý mà suy; 3- Duyên lự gọi là tâm là chỉ hay duyên lự với tự phần cảnh (cảnh của mình?); 4- Hoặc gọi là ý vì không gián cách; 6- Hoặc thức thứ tám gọi là tâm, thức thứ bảy gọi là ý. Sáu thức trước gọi là thức. Nhập Lăng Già nói: Tàng thức gọi là tâm, Tánh tư lương gọi là ý, hay hiểu rõ các cảnh tướng, nên gọi là thức. Song ý thức thứ sáu có đủ năm thứ: Một là Định trung độc đầu ý thức (riêng ý thức trong Định) là duyên với Định cảnh trong Định cảnh có lý có sự. Trong sự có Cực lược sắc và Cực hương (quýnh) sắc, và Định tự tại sở sanh pháp xứ các sắc (mà sanh ra các sắc pháp xứ). Như duyên với không hoa (đốm hoa) hình ảnh nét vẽ trong gương mà sanh đều thuộc pháp xứ; ba là Độc đầu (thức) trong



mộng, duyên cảnh trong mộng; bốn là minh liễu ý thức nó y vào năm căn môn cùng năm thức trước, đồng duyên với năm trần; năm là loạn ý thức là tán ý thức ở trong năm căn trên, cuồng loạn mà khởi. Như khi bị bệnh nhiệt não (nóng sốt quá) thì thấy xanh thành vàng không phải là nhãn thức thấy, đó là duyên này. Tông cảnh nói thức thứ sáu nói đủ thì có mười tên: Một là từ căn mà được tên nên gọi là thức thứ sáu; hai là hay tính toán phải quấy nên gọi là ý thức; ba là hay ứng thiếp Trần cảnh nên gọi là Phan duyên thức; bốn là hay khắp duyên năm trần nên gọi là Tuần cụy thức; năm là niệm niệm lưu tán nên gọi là Ba lãng thức; sáu là hay phân biệt cảnh trước nên gọi là phân biệt sự thức; bảy là làm hại người khác nên gọi là Nhân ngã thức; tám là nghiệp ái kéo dắt sanh (đời) nên gọi là Trụ thức; chín là Khiến chánh giải chẳng sanh nên gọi là phiên não chướng thức; mười là cảm báo chung tận, tâm cảnh hai khác nên gọi Phần đoạn tử thức.

Mạt-na (Manas), Duy thức dịch là Ý hoặc gọi chấp ngã, hay phân biệt. Duy Thức Tông nói: Phải gọi đầy đủ là Ngật-ri-sắc-tra-da-mạt-na, dịch là Nhiễm ô ý, tức là ngã si, ngã kiến, ngã mạn, ngã ái bốn hoặc ấy thường có nên gọi là nhiễm ô. Thường xét tư lương nên gọi là ý. Tư lương đê tám độ lượng làm ngã. Như thế tư lương (suy lường) chỉ thức thứ bảy là có còn các thức khác thì không, nên riêng gọi là y. Lại hay liễu biệt (hiểu biết phân biệt) nên gọi là Thức. Sáu thức trước từ căn mà được tên, còn thức thứ bảy này ở thể mà lập hiệu. Thức Luận tụng rằng:

*Thứ lớp hai năng biến,  
Là thức tên Mạt-na  
Y nó lại duyên nó,  
Tư lương (suy lường) là tánh tướng,  
Bốn phiên não luôn đủ,  
Là ngã si, ngã kiến  
Cùng ngã mạn, ngã ái,  
Và các khác đều đủ,  
Hữu phú vô ký nhiếp (có phú thuộc vô ký).*

Đại Thừa Nhập Lăng Già, Ngài Đại Huệ hỏi Phật pháp rằng: Vì sao chỉ nói ý thức diệt mà không nói thức thứ bảy diệt? Phật nói này Đại Huệ vì nó làm nhân và sở duyên (chỗ được duyên) nên sanh thức thứ bảy. Nay Đại Huệ, ý thức phân biệt cảnh giới, khi khởi chấp trước sinh các tập khí, nuôi lớn Tạng thức. Do đó ý cũng ngã, ngã sở. Chấp chặt suy lường tuy chuyển không có thể tướng khác. Tạng thức là nhân, làm chỗ duyên chấp trước các cảnh giới hiện ra trong tâm mình, tâm

tụ sanh khởi lần lượt làm nhân. Nay Đại Huệ, ví như sóng biển tự tâm hiện ra cảnh giới gió thổi mà có khởi diệt. Thế nên ý thức diệt thì thức thứ bảy cũng diệt. Song kinh Lăng Già chỉ nói ba thức không luận thức thứ bảy là chuẩn theo văn nói không có thể tương khác. Do đó chỉ nói hai thức thứ sáu, thứ tám. Khởi Tín Luận cũng thế. Thông Nguyên hỏi: Hiện thức thuộc thứ tám, Sự thức thuộc sáu thức (thứ sáu) trước vì sao không nói thức thứ bảy? Đáp: Thức thứ bảy gọi là Nhiễm ô ý, đương thời chấp thứ tám làm ngã, thế nên nói thức thứ tám ắt gồm cả thức thứ bảy. Cho nên Du Già Luận nói: Lại-da thức khởi ắt hai thức tương ứng. Lại sự thức khi duyên ngoại cảnh ắt y vào thức thứ bảy, thế nên vững chắc nói. Tông Cảnh hỏi: Thức thứ sáu hay đoạn hoặc mà thành vô lậu, thức thứ bảy không thể đoạn hoặc vì sao cũng thành vô lậu? Đáp: Gọi thức thứ bảy là căn sở y của thức thứ sáu, thức thứ sáu là thức năng y hay y vào thức đã thành vô lậu, thức thứ bảy sở y cũng thành vô lậu. Nghĩa là thức thứ sáu khi vào Sanh - Pháp hai không thì trong thức thứ bảy đều sanh Ngã - Pháp hai chấp hiện thành bị phục, khiến chẳng khởi, nên thức thứ bảy thành vô lậu, hỏi vì sao thức thứ tám lại là hữu lậu. Đáp: Thức thứ tám là Tổng báo chủ cầm giữ giống chịu huân, nếu trong nhân liền thành vô lậu, tức tất cả tạp nhiễm chủng tử hữu lậu đều tan mất, cho nên liền tiện thành Phật đâu cần phải hai kiếp tu hành ư? Hỏi: Năm thức đã chẳng phải là Tổng báo chủ vì sao chẳng thành vô lậu. Đáp: Năm căn trước là thân tướng phần của thức thứ tám, đã là hữu lậu, thì năm căn sở biến cũng hữu lậu. Năm căn là sở y mà hữu lậu thì năm thức năng y cũng thành hữu lậu. Tông Cảnh nói: Thức thứ bảy có mười tên: một là ở sau thứ sáu nên gọi là Thức thứ bảy, hai là căn trần chẳng gặp nên gọi là Chuyển thức, ba là chẳng biết tập khí bỗng nhiên niệm khởi nên gọi là Vọng tưởng thức, bốn là sanh diệt không ngớt nên gọi là Tương tục thức, năm là chướng lý chẳng sáng nên gọi là Vô minh thức, sáu là phản mê theo chánh, hay đoạn bốn trụ phiền não nên gọi là Giải thức, bảy là Dữ thiệp huyền đồ (đi vào đường huyền) thuận lý sanh thiện nên gọi là Hành thức, tám là hiểu sanh tử ba cõi đều là tâm mình không có pháp ngoài nào khác nên gọi là Vô úy thức, chín là chiếu sáng rõ ràng như gương hiện các hình ảnh nên gọi là Hiện thức, mười là pháp đã vọng khởi cậy Trí làm Hoài khiến chân tánh chẳng hiển nên gọi là Trí chướng thức.

A-lại-da (Ālā) hoặc A-lê-da. Khởi Tín nói: Vì uy thức A-lê-da nói có vô minh bất giác mà khởi hay thấy hay hiện hay chấp lấy cảnh giới. Chân đế từ tên dịch là Vô một thức (thức không chết) lấy bất thất

(không mất) làm nghĩa Trang sư dịch nghĩa là Tàng thức là hay gồm chứa chủng tử các pháp (pháp chủng). Lại thể của thức này có đủ ba nghĩa tàng là Năng tàng, Sở tàng và Chấp tàng nên gọi là tàng, nghĩa là cùng với Tập nhiễm luôn làm duyên cho nhau. Hữu tình chấp là nội ngã của mình, lại hay liễu biệt các chủng tử, căn thân và khí thể gian ba cảnh nên gọi là tàng. Xưa giải rằng:

1/ Năng tàng, tức là nghĩa gồm chứa, cũng như kho tàng hay gồm chứa của quý, nên được tên là Tàng. Vì hay gồm chứa các tập nhiễm chủng tử nên gọi là Tàng. Cũng nghĩa là Trì (giữ).

2/ Sở tàng tức là nghĩa chỗ nương (sở y), thức này là chỗ nương của các pháp tập nhiễm.

3/ Chấp tàng là nghĩa giữ chặt chẳng buông, cũng như người giữ chặt kho vàng bạc, chấp làm nội ngã của mình nên gọi là Tàng. Thức này bị nhiễm Mạt-na chấp chặt làm ngã, nên gọi là Tàng. Khởi Tín Sao giải thích rằng: Năng tàng Sở tàng, lại có nghĩa Sở tàng, nghĩa là thể tàng của thức này là chỗ Sở tàng của căn thân chủng tử khí thể gian. Vì căn v.v... là tướng phần của thức này như vật ở trong kho, như thân ở trong nhà. Muốn tìm thấy thức Lại-da thì chỉ ở trong sắc tâm, cũng như muốn tìm châu ma-ni thì chỉ ở trong xanh vàng. Kế là nghĩa Năng tàng, nghĩa là căn thân v.v... các pháp đều chứa trong Thức thân, cũng như hình ảnh trong châu, muốn tìm tất cả pháp ở trong A-lại-da, cũng như muốn tìm tất cả hình ảnh đều ở trong ma-ni châu. Với nghĩa trước cùng làm Năng sở. Cho nên nói: Tự thể năng tàng ở trong các pháp, các pháp ở trong tự thể. Hoặc gọi là Trạch thức hoặc gọi là tâm, do là chỗ tích tập của các pháp huân tập chủng tử. Hoặc gọi là A-đà-na, là nắm giữ chủng tử và các sắc căn khiến không hư hoại. Tông Cảnh hỏi: Khi các căn hoại thức này dời đi bỏ thân cũ riêng thọ thân mới, thức tới lui tướng trạng như thế nào? Đáp: Trong kinh Hiền Thức nói: Phật bảo Hiền Hộ rằng: Thức vận chuyển tới lui cũng như phong đại (gió) không sắc không hình chẳng thể hiện rõ mà hay phát động vạn vật bày các hình trạng, như chấn động cây rừng, bẻ gãy phá nát gây ra những tiếng rất lớn, hoặc làm nóng làm lạnh chạm vào thân chúng sanh tạo các vui khổ. Gió không có tay chân mặt mũi hình dung cũng không trắng đen vàng đỏ các sắc. Nay Hiền Hộ, thức giới cũng thế, không sắc không hình không ánh sáng hiển hiện nhân duyên sở huân, hiển bày các thứ công thù thắng. Hoặc gọi Sở tri y, tức hay cùng nhiễm y tịnh sở y các pháp làm chỗ nương (tức làm chỗ nương cho các pháp nhiễm tịnh). Hoặc gọi là chủng tử thức, vì hay khắp trụ trì (giữ gìn) các pháp chủng tử thể xuất

thế gian. Duy Thức Luận nói: Tất cả chủng tử bản tánh vốn có chẳng từ huân sinh (huân tập sanh ra), Động Sơn sức huân tập chỉ có thể làm tăng trưởng. Như Khế Kinh nói: Tất cả hữu tình từ vô thủy đến nay có các thứ giới, như ác-xoa tụ pháp nhĩ mà có. Giới tức là tên khác của chủng tử, cho nên có như các thứ cây cỏ. Hộ Pháp Ý nói: Chủng tử hữu lậu vô lậu đều có Tân huân bốn hữu hợp sanh hiện hành cũng chẳng tạp loạn nếu tên huân duyên tức từ tân huân sanh, nếu bốn hữu gặp duyên tức từ bốn hữu sanh. Nhiếp Luận nói: Thức A-lại-da này cùng chủng tử như thế cộng sanh, tuy có năng y sở y mà không do thể riêng nên khác. Cho đến Năng là giả không thể, chỗ y ấy là thể có thật, giả thật hòa hợp tướng khác khó phân biệt, vì không hai thể. Thức này trước chưa có công năng, huân tập sanh sau mới có công năng, cho nên khác trước. Thức trước chỉ là quả báo không được gọi là Nhất thiết (tất cả) chủng tử, thức sau hay làm nhân tha sanh nên gọi là Nhất thiết chủng tử. Thức trước chỉ sanh tự tương tục, thức sau hay sanh tự tha tương tục cho nên hơn thức trước. Nhiếp Luận nói: Thức thứ tám từ chủng tử sanh nên gọi là Quả báo thức, hay nhiếp trì các chủng tử nên cũng gọi là Chủng tử thức. Tông Cảnh nói: Bản thức là thể, chủng tử là dụng, chủng tử là nhân, sở sanh là quả. Hỏi: Huân sanh có gì khác? Đáp: Huân là nghĩa từ huân hệ phát, sanh là nghĩa sanh khởi từ Nhân sanh ra. Gọi Bản thức v.v... tuy không có nghĩa sức tư huân hệ phát tự chúng, mà có nghĩa thân sanh tự chủng. Như Bản hữu vô lậu chủng tử tuy có công năng sanh quả, nếu chẳng được tư gia (giúp thêm) hai vị hữu lậu các thiên tư huân hệ phát thì chẳng thể sanh hiện. Lại như trong Bản thức các giống (chủng) thiện nhiễm dẫn thứ hậu tự loại chủng tử tuy có nghĩa sanh mà không có nghĩa tự huân. Như các giống lúa thóc tuy có khả năng nảy mầm nhưng nếu không được nước đất tư huân hệ phát thì cũng chẳng thể sanh ta hiện hành cũng như Bản thức tuy có khả năng sanh chủng song tự lực nó yếu, cần phải nhờ các thức sáu, bảy cùng huân mới sanh, do nghĩa đó nên Bản thức v.v... tuy không có khả năng huân mà có khả năng sanh chủng, cho nên cùng thân chủng được làm nhân duyên. Lại huân là phát, là trí (gây nên?), còn tập là sanh, là gần là số, tức phát trí giả ở trong Bản thức khiến chủng tử sanh cận sanh trưởng. Cho nên huân có hai thứ: Một là Huân tập, nghĩa là huân tâm thể thành nhiễm tịnh các việc; hai là Tự huân, nghĩa là hiện hành tâm cảnh và các hoặc tương tư (giúp nhau) v. v... Nhiếp Luận nói: Chuyển y gọi là pháp thân, do nghe huân bốn pháp mà được thanh: một là Tin ưa Đại thừa là Đại tịnh chủng tử; hai là Bát-nhã Ba-la-mật là Đại ngã chủng tử; ba là Hư không phẩm Tam-muội là

Đại lạc chủng tử; bốn Đại bi là Đại thường chủng tử. Đây nghe huân tập bốn pháp là bốn đức chủng tử. Khi bốn đức viên thì Bản thức đều hết. Bốn đức xưa nay là có, chẳng từ chủng tử sanh. Từ nhân làm tên nên gọi là chủng tử. Nhưng Thiện nhiễm như trầm xạ tối nên cho nên chẳng chịu huân, vô ký như lụa trắng nên hay chịu huân, như thiện chẳng chịu ác như trắng chẳng chịu đen. Như ác chẳng chịu thiện như thú chẳng chịu thơm. Chỉ có hàm tàng của bản thức đồng với sự dung nạp rộng rãi như Thái Hư. Hoặc gọi là Dị thực thức hay dẫn nghiệp sanh tử thiện bất thiện đến quả Dị thực. Hoặc gọi là Hiện thực. Cho nên Duy Thức Luận nói: Nước của thác dữ từ trên đổ xuống, cá cỏ các vật đều theo dòng nước chẳng rời. Thức này cũng thế. Cùng với nội tập khí và ngoại xúc các pháp luôn liên tục chuyển. Ngài Thiên Thai gọi là Vô Một Thức. Hoặc gọi là Tùy Miên. Kinh Bồ-tát Xứ Thai nói: Khi ấy Thế Tôn muốn hiện bày chỗ thức đến, Đạo thức, Tục thức, Hữu vi thức, Vô vi thức, Hữu lậu thức, Vô lậu thức, Hoa thức, Quả thức, Báo thức, Vô báo thức, Thiên thức, Long thức, Quỷ thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân thức. Trên đến hai mươi tám Thiện thức, dưới đến Vô cứu địa ngục thức. Khi ấy Thế Tôn tức ở trong thai hiện cốt câu tỏa biến khắp tam thiên đại thiên thế giới v.v... Phật bảo Di-lặc rằng: Ông hãy quán câu tỏa hài cốt, khiến tất cả chúng biết chỗ đến, phân biệt quyết liễu khiến không còn nghi ngờ. Bấy giờ Di-lặc bèn từ chỗ ngồi đứng dậy tay cầm gậy thần Kim cang thất bảo kêu trộn xương câu tỏa nghe có tiếng (thành tiếng) liền bạch Phật rằng: Người này khi chết đã kết nhiều giân bị đọa vào loài rồng. Kế kêu trộn nữa thì bảo người này đời trước phá giới phạm luật sanh trong địa biện kế kêu trộn nữa thì bảo người này đời trước làm đủ mười giới nên được sanh lên trời. Như thế mà kêu trộn xương cốt, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi từ trời hai mươi tám đến Vô cứu địa ngục đều biết chỗ đến của quả báo thiện ác, báo hạnh hắc bạch. Có thân xá-lợi đầy đủ không thiếu. Khi ấy Di-lặc lấy gậy khuấy trộn suy tìm thức này thì không biết chỗ đến, ba lần khuấy trộn như thế rồi bạch Phật rằng: Thần thức người này thật không thể biết, không phải là thân Như Lai sắp nhập Niết-bàn ư? Phật bảo Di-lặc rằng: Ông sẽ nối ngôi vị Phật ở đời đương lai, sẽ được làm Phật thành Vô thượng đạo, sao khuấy trộn xá-lợi mà không biết chỗ, Di-lặc bạch Phật rằng: Phật bất tư nghi chẳng thể hạn lượng, không phải sức con lừng biết được nay còn hồ nghi. Cúi mong Thế Tôn giải nói. Thần thức cả năm đạo đều biết hết cõi Thiện Ác, chẳng có nghi ngờ. Nay xá-lợi này ở chỗ Như Lai không hề thiết sót, xin nói thức này khiến chúng

con được biết. Phật bảo xá-lợi chư Phật quá khứ hiện tại vị lai bày khắp không phải sức các ông phân biệt được. Lại thức A-lại-da từ vô thủy đến nay luôn cùng năm tâm sở tương ưng, nó thuộc Biến Hành Tâm Sở: Một là Tác ý, Luận rằng: Tác ý tức là hay cảnh tâm làm tánh, với cảnh Sở duyên dẫn tâm làm nghiệp; hai là Xúc, Luận rằng: Xúc là ba hòa phân biệt biến dị, khiến tâm, tâm sở chạm (xúc) cảnh làm tánh. Thọ - Tưởng - Tư v.v... sở y làm nghiệp; ba là Thọ, Luận rằng: Thọ là lãnh nạp, cảnh tướng Trái - Thuận. Điều không phải vô ký, làm tánh khởi ái làm nghiệp; bốn là Tưởng, Luận rằng: Là đối với cảnh lấy tượng làm tánh, bày ra các thứ danh ngôn (tên gọi) làm nghiệp, nên phải an lập cảnh tướng phân tề (rõ ràng) mới có thể tùy khởi các thứ danh ngôn (tên gọi); năm là Tư, Luận rằng: Tư nghĩa là khiến tâm tạo tác làm tánh, ở Thiện Phẩm thì dịch tâm làm nghiệp, nghĩa là hay lấy cảnh chánh chân v.v... các tướng mà khu dịch tự tâm khiến tạo các thiện. Tông Cảnh hỏi: Trong một trăm pháp, phạm thánh đều có đủ chăng? Đáp: Nếu ở vị phạm phu, ước chung ba cõi chín địa chủng tử thì đều đủ một trăm pháp. Còn ở quả vị chư Phật thì chỉ đủ sáu mươi sáu pháp mà trừ bớt ba mươi bốn pháp là sáu căn bản phiền não, hai mươi tùy phiền não, bốn thứ bất tịnh và bốn bất tương ưng hành. Tông cảnh nói: Thức thứ tám có mười tên: Một là đứng sau thức thứ bảy nên được gọi là Thức thứ tám; hai là chân ngại xen tạp nên gọi là Hòa hợp thức; ba là chứa nhóm các pháp nên gọi là Tàng thức; bốn là trụ trì khởi phát nên gọi là Huân biến thức; năm là phạm thành thánh nên gọi là Xuất sanh thức; sáu là tàng thể không dứt nên gọi là Kim cang trí thức; bảy là thể không tịch loạn nên gọi là Tịch diệt thức; tám là trung thực chẳng giả nên gọi là Thể thức; chín là tạng thể chẳng mê nên gọi là Bản giác thức; mười là công đức viên mãn nên gọi là Nhất thiết chủng trí thức. Thức này kiến (lập ra) lập hữu tình vô tình, phát sanh nhiễm pháp tịnh pháp. Nếu có tri có giác thì khởi ra chúng sanh giới, nếu không tưởng không lự cõi nước duyên sanh. Nhân nhiễm pháp mà sáu thú xoay vần (quanh quẩn), theo Tịnh pháp mà bốn Thánh lên xuống. Có thể gọi là gốc của phạm thánh, nguồn cõi của căn khí. Hiểu rõ Thức nguyên này thì pháp nào chẳng ngộ, chứng tâm tánh này thì cảnh nào chẳng chân. Có thể gọi là môn Tuyệt học, nhà Thê thần. Lại nói: Bản thức thứ tám là một tâm chân như rộng lớn vô biên, thể tánh vi tế. Hiện tâm nguyên mà không ngoài, bảo tàng tánh mà gồm thông, chuyên danh trì chủng, làm chủ Tổng báo, tạo thể hữu tình, lập nhân Niết-bàn. Ở Sơ vị mà gọi (tên) chung Lại-da, ở quả vị mà chỉ gọi vô cấu. Làm đủ Trí Địa Bản Hậu, thành tựu lợi môn



Tự tha. Tùy có chấp hay không chấp mà lập nhiều tên, cứ vào nhiệm duyên Tịnh duyên mà làm các thể. Gồm tất cả mà như Thái Hư bao nạp, hiện vạn pháp mà giống đại địa phát sanh, thì pháp nào chẳng thấu, không môn nào chẳng vào. Chỉ vì mê hiểu một chân mà làm quán thứ hai. Nhân ở tâm hiểu rõ giác minh mà phát khởi tướng trần lao trong ngoài ở một viên trạm tách ra căn trần, nhóm bốn đại bên trong làm thân, phân bốn đại bên ngoài làm cảnh. Trong lấy thức tinh làm cấu, ngoài nhân tướng tướng thành trần. Không niệm mà cảnh quán nhất như có tướng mà chân thành muôn khác. Nếu hay tâm dung pháp giới cảnh rộng chân không, thì màng huyền toàn tiêu một đạo sáng hiện. Có thể gọi là Liệt mê đồ chi trí vọng, tụ giác hộ chi trùng quan, tỉnh hôn mộng mà Đại giác thường sáng, hết cuồng tánh mà Bản hiển tự hiện.

A-đà-na (Adana), dịch nghĩa là chấp trì (nắm giữ), tức hay nắm giữ các chủng tử căn thân sanh tương tục (nghĩa nối tiếp). Chấp trì có ba: Một là chấp trì căn thân khiến chẳng hư rã; hai chấp trì chủng tử khiến không tan mất; ba là chấp lấy kiết (kết) sanh nghĩa tương tục (nối tiếp), tức hữu tình có thân đến vị cuối. Thức thứ tám ở niệm đầu tiên thọ sanh có nghĩa chấp thủ kiết sanh nối tiếp. Kiết (kết) là trói cột là thuộc. Ở trong bụng mẹ một niệm thọ sanh liền, hệ thuộc vào óc cũng như đá nam châm hút sắt sắt như hai điểm (giọt) tinh huyết của cha mẹ. Thức thứ tám như đá nam châm, trong một sát-na liền hút lấy mà trụ (ở), đồng thời các thứ căn trần từ trong thức mình cũng sanh hiện hành (hoạt động) nên gọi là chấp thủ kiết sanh. Nên kinh Lăng Già nói: Đà-na-vi-tế thức, Tập khí như thác dữ, chân chẳng chân, sợ mê, ta thường chẳng diễn nói. Kinh Giải Thâm Mật nói: Đó gọi là thức thứ chín, chính là riêng lấy Tịnh phần của thức thứ tám mà nói. Cho nên Nhiếp Luận nói: Thế Tôn nói pháp phạm có ba thứ: Một là Nhiễm ô phần; hai là Thanh tịnh phần; ba là Nhiễm ô thanh tịnh phần. Ví như khi vòng trong đất có ba: Một là địa giới, hai là vàng, ba là lớp đất. Địa ví như Y tha tánh có đủ nhiễm tịnh hai phần tức là thức thứ tám. Đất là ví cho phân biệt tánh là sanh tử nhiễm phần, đây là thức thứ bảy. Còn vàng ví cho chân thật tánh là Niết-bàn tịnh phần, đây là thức thứ chín vậy. Tông Cảnh nói: Phân biệt các thức khai hạp chẳng đồng đều y vào thể và dụng. Nếu ước về Thể thì không sai mà sai vì thể toàn dụng chẳng ngại dụng. Nếu ước về dụng thì sai mà không sai vì dụng toàn thể chẳng mất thể. Như nêu biển thành sóng thì mất biển, nêu sóng thành biển thì không ngại sóng. Chẳng có chẳng không mới tốt thức tanh, chẳng một chẳng khác mới là rốt tâm nguyên. Cổ Đức nói Ước các thức môn tuy một nhiều bất định,



vì đều là thể dụng duyên khởi gốc ngọn thân (gồm) nhau. Gốc là chín thức ngọn là năm thức. Tứ gốc hướng ngọn thì tịch mà thường dụng. Từ ngọn hướng gốc thì dụng mà thường tịch. Vì tịch mà thường dụng, cho nên tịnh mà chẳng kết (kết), vì dụng mà thường tịch, cho nên Động mà chẳng loạn. Tịnh mà chẳng kết (kết) cho nên chân như là duyên khởi. Động mà chẳng loạn cho nên duyên khởi là chân như. Chân như là duyên khởi cho nên không Niết-bàn không sanh tử, tức tám, chín là sáu, bảy. Duyên khởi là chân như cho nên chẳng sanh tử chẳng Niết-bàn, tức sáu, bảy là tám, chín. Không sanh tử chẳng Niết-bàn cho nên pháp giới đều là sanh tử, không sanh tử chẳng Niết-bàn cho nên pháp giới đều là Niết-bàn vì pháp giới đều là Niết-bàn nên sanh tử chẳng tạp loạn. Vì pháp giới đều là sanh tử nên Niết-bàn chẳng tịch tịnh. Sanh tử không tạp loạn nên chúng sanh tức là Phật, Niết-bàn không tịch tịnh nên Phật tức là chúng sanh. Vì pháp giới trái, cho nên nói Niết-bàn là sanh tử, tức lý tùy tình dụng vì pháp giới thuận, cho nên nói sanh tử là Niết-bàn, tức tình tùy lý dụng như đây mà nói thì tình chẳng ngoài lý, lý chẳng ngoài tình. Vì tình chẳng ngoài lý do đó tức thật nói sáu, bảy là tám, chín. Thật đó là thể. Vì lý chẳng ngoài tình do đó tức giả nói tám, chín là sáu, bảy, giả đó tức là dụng. Vì giả - thật vô ngại, cho nên nhân - pháp đều không. Vì thể dụng vô ngại, cho nên không chẳng thể không. Vì nhân - pháp đều không cho nên tuyệt đối đăi. Vì không chẳng thể không nên nói là diệu dụng. Như đây mà nói cũng là nói bài tình. Luận về chí thật là chẳng thể dùng danh tướng mà được. Chí cực là chẳng dùng hai đế mà biện. Vì chẳng thể dùng danh tướng mà được nên không phải ngôn tượng mà nói được. Vì chẳng thể dùng hai đế mà biện được nên không phải có không mà nói được. Nên nói là chí lý cô ngôn (không nói năng) Hiền thánh yên lặng. Chính có thể lấy thần mà hiểu không thể lấy tâm mà cầu. Hỏi: Một tâm trạm tịch vì sao lại khởi các sóng thức? Đáp: Chỉ vì bất giác bỗng nhiên sanh. Khởi Tín Luận nói: Vì chẳng như thật biết pháp chân như là một nên bất giác tâm khởi. Ma-ha-diễn luận rằng: Tức là hiển bày căn bản của nhân duyên khởi bất giác. Căn bản bất giác vì nhân duyên vì được khởi mà có? Nhân vi bất như nên được khởi mà có. Trong những pháp nào mà bất như, tức trong ba pháp mà bất như. Nói bất như là có nghĩa gì, nghĩa là trái nghịch. Thế nào là ba pháp? Một là Thật tư pháp, hai là Chân như pháp, ba là Một tâm pháp. Đó gọi là ba pháp:

- Pháp thật tri, nghĩa là tất cả giác tức trí năng đạt.
- Pháp chân như, nghĩa là bình đẳng lý tức cảnh sở đạt.

- Pháp một tâm nghĩa là một pháp giới tức thể sở y.

Vì đối với ba pháp này đều trái nghịch, vô minh vốn khởi thể nên nói năng, nghĩa là chẳng như thật biết chân như pháp một nên bất giác tâm khởi. Ba pháp ấy đều giữ một, vì giữa cuối chẳng lia nên chung gọi là một. Lại Khởi Tín Luận nói: Vì sức huân của vô minh mà bất giác tâm động đầu tiên thành nghiệp ấy. Nhân đây nghiệp thức lại sanh chuyển thức v.v... Luận Thích nói: Bất giác (chẳng biết) đầu tiên gọi là nghiệp tướng thứ nhất Năng kiến Sở kiến không có sai khác. Tâm vương niệm pháp chẳng thể phân tách. Chỉ có nghĩa Tinh cần ẩn lưu nên gọi là nghiệp, như thế mà lưu động chỉ bày bất giác. Thứ hai là chuyển tướng, vì nghiệp tướng niệm làm sở y, cho nên chuyển làm Năng duyên lưu thành liễu tướng. Thứ ba là Hiện tướng, vì liễu biệt chuyển làm sở y, cảnh giới Hý Luận đầy đủ, hiện tiền sở duyên tương phân viên mãn an bố. Y kiên phân này mà hiện tướng phần kia. Lại động tướng, thì động là nghiệp thức, lý rất vi tế, nghĩa là tâm bản giác nhân giới vô minh mà cả thể vi động (động nhẹ). Tướng của vi động chưa thể ngoài duyên tức là bất giác nghĩa là từ bản giác mà có bất giác sanh, tức là nghiệp tướng. Như sóng nhỏ của biển là từ yên lặng động nhẹ, mà chưa từng từ đây chuyển dời bản xứ (chỗ cũ). Tướng chuyển là nhờ sức vô minh giúp cho tướng nghiệp chuyển thành năng duyên có dụng năng kiến hướng ra bề mặt mà khởi, liền gọi là tướng chuyển. Tuy có tướng chuyển mà chưa thể hiện năm trần là cảnh tướng sở duyên như sóng biển nhờ sức gió gồm giúp động nhẹ, từ đây vỗ sóng chuyển dời mà khởi. Tướng hiện là từ tướng chuyển mà thành tướng hiện mới có sắc trần núi sông đất đai khí thể giới thực hành.

Kinh Lăng-già nói Đại Tuệ bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, các thức có mấy thứ sanh trụ diệt? Phật bảo Đại Tuệ rằng: Thức có hai thứ sanh trụ diệt không phải suy lường mà biết được, đó là Lưu chú sanh trụ diệt và Tướng sanh trụ diệt. Chỉ từ thức thức tám, ba tướng vi ẩn chủng hiện chẳng dứt nên gọi là Lưu chú. Do duyên vô minh đầu tiên khởi nghiệp thức, nên nói là sanh. Tiếp nối nhiều kiếp nên nói là trụ. Đến định kim cương đẳng giác một niệm đoạn dứt vô minh, nên gọi là Lưu chú diệt. Tướng sanh trụ diệt, nghĩa là bảy thức kia tâm cảnh thô hiển nên gọi là Tướng. Tuy bảy duyên tám vọng sáu là tế mà có đủ cả bốn hoặc, nên gọi là thô. Y hiện thức kia tự chủng các cảnh duyên hợp sanh bảy nên nói là tướng sanh, nhiều kiếp huân tập nên nói là tướng trụ. Từ ngọn đến gốc tiềm phục và đoạn dứt đến bảy địa mãn, nên gọi là tướng diệt. Y vào sanh diệt trước mà lập mê ngộ, y, y vào sanh diệt sau mà lập

nhiệm tịnh y. Trước dài sau ngắn sự phân hai khác tức là Lưu chú sanh trụ diệt và Tướng sanh trụ diệt. Kinh Nhân Vương Bát-nhã nói: Song các hữu tình ở nhiều kiếp lâu xa, ở một sát-na đầu thức khác gỗ đá mà sanh nhiệm tịnh, đều tự làm ra vô lượng vô số nhiệm tịnh thức bản từ sát-na đầu trải qua bất khả thuyết kiếp cho đến một sát-na kim cương cuối thì có bất khả thuyết bất khả thuật thức, sanh hai pháp sắc tâm của các hữu tình. Sắc gọi là sắc uẩn, tâm là bốn uẩn kia. Tông Cảnh dẫn cổ (xưa) giải thích rằng: Ở sát-na đầu sắc khác gỗ đá, nghĩa là vì một niệm thức có giác thọ. Khác với gỗ đá, tức hiển trong một niệm trước có mặt tâm (mạt-na thức?) thấy rõ trắng đen hai uế, tức đồng với chủng loại gỗ đá ngoại khí. Khi thức này sanh thì nắm nó làm thân cho nên khác gỗ đá.

Hỏi: Đã không phải vô thủy xa xôi, vì sao gọi là Sơ thức?

Đáp: Quá khứ, vị lai không có thể, sát-na huân tập nên chỉ thuộc hiện tại. Khi hiện tại chánh khởi vọng niệm thì vọng niệm trái chân nên gọi là Sơ thức, không phải là quá khứ có thức khởi đầu tiên, nên gọi là Sơ thức. Cho nên biết Hoàn là bao gồm không gian và thụ là thông suốt thời gian đều là tức một tâm hiện tại này mà không có lý nào khác.

Đạo Khế Kinh nói: Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, thức A-lại-da đủ tất cả pháp nhiều như Hằng sa, như thế các pháp lấy gì làm gốc, sanh ở chỗ nào? Phật nói: Tất cả các pháp hữu vi vô vi sanh chỗ không phải hữu vi không phải vô vi thì pháp hữu vi và vô vi ấy mới có thể sanh. Văn-thù lại bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, thế nào là chỗ không phải hữu vi không phải vô vi? Phật bảo: Chỗ không phải hữu vi không phải vô vi, nghĩa là một pháp bản tâm vì không phải hữu vi nên hay làm hữu vi, vì không phải vô vi nên hay làm vô vi. Thế nên ta nói sanh chỗ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Lại nói: Phải phân làm hai môn mà nói cho rõ ràng: một là Hạ chuyển môn, hai là Thượng chuyển môn. Trong môn sanh diệt chẳng ngoài hai thứ này. Như thế hai môn này khác nhau thế nào? Tụng nói:

*Các nhiệm pháp có sức,  
Các tịnh pháp không sức,  
Ngược gốc chuyển hạ hạ  
(chuyển không thấp)  
Gọi là Hạ chuyển môn.  
Các tịnh pháp có sức,  
Các nhiệm pháp không sức,*

*Hướng nguồn thượng thượng chuyển  
(chuyển lên cao)  
Gọi là Thượng chuyển môn.*

Thức Luận nói: Vì sao nên biết ý thức sở biến nhờ nói ngã pháp không phải thật có, do đây tất cả chỉ có chỉ thức chẳng? Tụng rằng:

*Các thức ấy chuyển biến,  
Phân biệt sở phân biệt,  
Do đây kia đều không,  
Nên tất cả chỉ thức.*

Lại các thầy chỗ nói, chung có bốn phần nghĩa: một là Tướng phần, hai là Kiến phần. Duy Thức Luận rằng: Ở Sở duyên mà có dụng liễu biệt, ba là Tự chứng phần, nghĩa là hay thân chứng tự kiến phần và hay duyên với tướng phần không nhầm lẫn vì hay làm chứng, bốn là Chứng trị chứng phần, nghĩa là hay thân chứng tự chứng phần thứ ba mà duyên với kiến phần không nhầm lẫn từ chỗ chứng mà được tên. Đó là nghĩa bốn phần. Gương như tự chứng phần, gương sáng như kiến phần, ảnh trong gương như tướng phần, gương hậu (??) như chứng tự chứng phần. Bốn phần này có bốn sự lập nghĩa:

Một là An Tuệ Bồ-tát lập Nhất phần tự chứng phần. Duy Thức Luận nói: Tự chứng phần này từ Sở duyên sanh vì là y tha khởi nên nói là có. Kiến tướng hai phần chẳng từ duyên sanh, nhân biến kế tâm vọng chấp mà có như thế hai phần là tình có mà lý không, chỉ tự chứng phần là tánh y tha khởi, có chủng tử sanh là thật có. Kiến tướng hai phần là không, lại biến khởi ngã pháp hai chấp. Lại là không vì không giống không. Nếu chuẩn theo Hộ Pháp Bồ-tát thì vì hữu giống vô nên kiến tướng hai phần là hữu thể, biến khởi ngã pháp hai chấp là vô thể. Nên An Tuệ dẫn Lăng-già nói rằng: Ba cõi hữu lậu, tâm và tâm sở đều là hư vọng phân biệt làm tự tánh. Cho nên biết tám thức kiến tướng hai phần đều là biến kế vọng chấp mà có. Chỉ có tự chứng phần là tánh y tha khởi là thật có.

Hai là Nan-đà Luận Sự lập hai phần. Thành Duy Thức trowsc nêu: Tông là tất cả tâm sanh đều có kiến tướng hai phần. Kiến tướng hai phần là Năng sở hai duyên. Nếu vô tướng phần kéo tâm thì tâm pháp không do đâu mà được sanh. Nếu không có Năng duyên kiến phần thì ai biết có Sở duyên tướng phần, tức có cảnh có tâm v.v... mà thành duy thức. Kiến phần là Năng kiến, tướng phần là Sở biến, Năng sở được thành cần đủ hai phần. Kiến phần tướng phần là tánh y tha khởi. Có lúc duyên với độc ảnh cảnh tức đồng chủng sanh, có lúc duyên với đối chất

cảnh tức là biệt chủng sanh. Cho nên không phải là Biến kế. Nếu bất hứa thì chư Phật chẳng ứng hiện thân độ v.v... các thứ ảnh tượng.

Ba là Trần-na Bồ-tát lập ba phần. An Tuệ lập một phần chỉ có thể mà không có dụng. Nan-đà lập kiến tướng hai phần chỉ có dụng mà không có thể đều hồ bất tác. Lập lý, nghĩa là nghĩa lượng quả. Luận nói: Năng lượng và Sở lượng vì lượng quả riêng khác nên tướng - kiến ắt có thể sở y. Tướng phần là Sở lượng, kiến phần là năng lượng tức căn tự chứng phần làm chứng là lượng quả. Dụ như đo lượ, lượ là sở lượng (đo), người và thước là năng lượng (đo), trí ghi số đo gọi là lượng quả. Nay kiến phần duyên với tướng phần chẳng nhầm lẫn, đều do tự chứng phần làm quả. Nay kiến phần của nhãn thức khi duyên với xanh thì nhất không duyên với vàng. Như kiến phần duyên không từng thấy cảnh bỗng nhiên duyên cảnh vàng thì nhất định không duyên với cảnh xanh. Nếu không có tự chứng phần thì kiến phần chẳng thể tự ghi nhớ, cho nên biết phải lập ba phần. Nếu không có tự chứng phần thì kiến phần cũng không. Nếu nói có hai phần thì nhất định phải có tự chứng phần tập luận. Luận tụng rằng: Tự cảnh tướng sở lượng, năng thủ (hay lấy) tướng tự chứng. Giải thích rằng: Tự cảnh tướng sở lượng, tức là tướng phần giống ngoại cảnh hiện. Năng thủ tướng tự chứng, tức là kiến phần hay lấy tướng phần, nên tự chứng là thể.

Bốn là Hô Pháp Bồ-tát lập bốn phần. Lập tông, tức là tâm. Tâm sở nếu phân biệt kỹ thì có bốn phần. Lập lý, nếu không có phần thứ tư thì đem pháp nào để cùng với phần ba làm lượng quả. Trần-na của ông lập ba phần, là kiến phần có dụng năng lượng biết rõ cảnh tức đem tự chứng phần làm lượng quả, tự chứng phần của ông cũng có năng lượng chiếu cảnh, thì đem pháp nào cùng năng lượng tự chứng phần làm lượng quả. Tức phải đem chứng tự chứng phần thứ tư làm lượng quả của phần thứ ba. Dẫn Mật Nghiêm Kinh nói: Chúng sanh tâm hai tánh, trong ngoài tất cả phần, Sở thủ - Năng thủ cột, kiến (thấy) các thứ sai khác. Phạm là lượng quả cần phải hiện lượng mới là lượng quả, năm thức trước cùng kiến phần của thức thứ tám tuy là hiện lượng nhưng vì là ngoại duyên nên không phải lượng quả. Là lượng quả thì phải đủ hai nghĩa: một là hiện lượng, hai là nội duyên. Lại trong quả sau được kiến phần tuy là hiện lượng. Nội duyên thời biến ảnh duyên nên không phải là lượng quả, tức là tâm thể ấy phải đầy đủ bốn nghĩa: một là hiện lượng, hai là nội duyên, ba là bất biến ảnh, bốn là tâm thể, thì mới là lượng quả.

Hỏi: Bốn phần lấy gì thể tánh?

Đáp: Tướng phần của Sở biến sắc tâm làm thể tánh. Nếu nội ba

phần tức dùng hiện hành tâm sở làm thể.

Tông Cảnh hỏi: Chưa có cảnh không tâm, từng có tâm không cảnh. Phạm thánh luận chung đều có mấy cảnh?

Đáp: Đại ước có ba cảnh. Tụng rằng:

*Tánh cảnh chẳng tùy tâm,  
Độc ảnh chỉ từ kiến,  
Đới chất thông tình bốn,  
Tánh chủng đều tùy ứng.*

Lại rộng giải thích rằng: Tánh cảnh là hữu thể thật tướng phần gọi là tánh cảnh, tức năm thức trước và tâm vương thức thứ tám đều là hiện lượng thức thứ sáu sở duyên các thật sắc được tự tướng cảnh chẳng đo danh ngôn không tâm trừ độ, cảnh này mới gọi là tánh cảnh, và khi căn bản trí duyên với chân như thì cũng là tánh cảnh, vì không phân biệt nhậm vận (mặc tình?) mà chuyển. Nói chẳng tùy tâm, là đều có năm thức Bất tùy:

Một là Tánh bất tùy, là kiến phần năng duyên ấy thông cả ba tánh, còn cảnh tướng phần sở duyên chỉ là tánh vô kỳ, tức bất tùy năng duyên kiến phần thông cả ba tánh.

Hai là Chủng bất tùy, tức kiến phần từ tự kiến phần chủng sanh, tướng phần từ tự tướng phần chủng sanh, mà chẳng tùy năng duyên kiến phần tâm chủng sanh, nên gọi là Chủng bất tùy.

Ba là Giới hệ bất tùy, là như minh liễu ý thức khi duyên với cảnh của hương, vị thì hương vị hai cảnh ấy chỉ với Dục giới hệ mà không tùy theo minh liễu ý thức thông với thượng giới hệ. Lại như Dục giới thứ tám duyên với chủng tử cảnh thì năng duyên thứ tám chỉ Dục giới hệ, còn sở duyên chủng tử hai thì lại thông ba cõi, tức hai thức thứ sáu, thứ tám có giới hệ bất tùy.

Bốn là Ba khoa bất tùy, lại là năm uẩn bất tùy, tức như kiến phần của năm thức là thức chủng gồm thô, tướng phần của năm trần, tức sắc uẩn gồm nhiếp, ấy là Uẩn khoa bất tùy. Mười hai xứ bất tùy, tức kiến phần của năm thức là ý xứ thô (là thuộc ý thức), còn tướng phần của năm trần là năm cảnh xứ nhiếp (là thuộc năm cảnh), ấy là xứ khoa bất tùy. Mười tám giới bất tùy, là kiến phần của năm thức là năm thức giới thô, tướng phần của năm trần là năm cảnh giới nhiếp, đây là ba khoa bất tùy.

Năm là Dị thực bất tùy, tức như kiến phần thức thứ tám là tánh Dị thực, tướng phần năm trần sở duyên không phải tánh Dị thực thì gọi là Dị thực bất tùy. Độc ảnh cảnh, nghĩa là tướng phần cùng kiến phần đồng



chúng sanh nên gọi độc ảnh, chỉ từ kiến tức như thức thứ sáu duyên với không hoa sừng thỏ quá vị cập biến ảnh duyên vô vi cùng duyên địa giới pháp, hoặc duyên với giả định quả cực hương cực lược v.v... đều là ảnh tượng giả. Đây chỉ theo kiến phần biến sanh, tự không có thức ấy nên nói chỉ tùy kiến. Độc ảnh có hai thứ: một là vô chất độc ảnh tức là thức thứ sáu duyên với không hoa sừng thỏ cập quá vị v.v... tướng phần sở biến, thì tướng phần ấy cùng kiến phần thức sáu đồng chủng sanh, chẳng có không hoa chất v.v...; hai là hữu chất độc ảnh, tức là thức thứ sáu duyên với năm căn chủng hiện ấy đều mượn chất mà khởi, cho nên tướng phần ấy cũng cùng với kiến phần đồng chủng mà sanh, cũng gọi là độc ảnh cảnh; ba là đối chất, tức tâm duyên tâm là đó. Như thức thứ bảy duyên với kiến phần cảnh của thức thứ tám, ta phần ấy không có biệt chủng sanh, một nửa cùng bản chất đồng chủng sanh. Từ bản chất sanh tức tánh vô phú, còn từ năng duyên kiến phần sanh thì tức tánh hữu phú, vì hai đầu nhiếp bất định nên gọi thông tình bản. Chất tức năng duyên kiến phần thức thứ bảy, bản tức sở duyên kiến phần thức thứ tám. Lại dùng bốn cú phân biệt: một là chỉ biệt chủng chẳng phải đồng chủng, tức là tánh cảnh, hai là đồng chủng không phải biệt chủng, tức là độc ảnh cảnh, ba là đều là, tức đối chất cảnh, bốn là chẳng phải, tức bản trí duyên như, vì chân như chẳng từ kiến phần chủng sanh nên gọi là phi đồng chủng. Lại chân như đương thể là vô vi, chỉ nhân chứng mà hiển được, không phải là sanh nhân pháp sở sanh nên gọi là phi biệt chủng. Tánh chủng v.v... tùy ứng, tánh tức là tánh cảnh, chủng là chủng loại, nghĩa là đối trong ba cảnh đều có chủng loại chẳng đồng. Nay đều phải tùy ứng mà nói. Lại ước tám thức phân biệt, là chuyển năm thức trước trong mọi lúc đều chỉ tánh cảnh, không chọn hổ dụng hay không hổ dụng, trong hai thứ biến chỉ là nhân duyên biến. Lại vì cùng năm căn đồng cảnh nên ý thức thứ sáu có bốn loại: Một là minh liễu ý thức cũng thông ba cảnh, cùng năm đồng duyên thật năm trần. Trước suất (noi theo?) trong tâm này là tánh cảnh, nếu lấy hậu niệm mà duyên với năm trần thương phương viên trường đoản v.v... giả sắc, tức là hữu chất độc ảnh, cũng gọi là tự đối chất cảnh. Hai là tám vị độc đầu ý thức, thì cũng thông ba cảnh, phần nhiều là độc ảnh thông duyên với pháp có chất hay không chất ba đời. Nếu khi duyên với tự thân hiện hành tâm, tâm sở thì là đối chất cảnh. Nếu duyên với tự thân năm căn và duyên với tâm, tâm sở của người khác thì là độc ảnh cảnh, cũng gọi là tự đối chất cảnh. Lại độc đầu ý thức, sát-na đầu duyên với năm trần, thiếu phần duyên với thật sắc thì cũng gọi là tánh cảnh. Ba là ý thức trong định, thì cũng



thông ba cảnh, thông duyên với pháp có chất hay không chất ở ba đời, là độc ảnh cảnh. Lại bảy địa trở về trước hữu lậu định vị cũng hay dẫn khởi năm thức vì duyên năm trần, tức là tánh cảnh. Bốn là ý thức trong mộng, thì chỉ là độc ảnh cảnh. Thức thứ bảy chỉ là đời chất cảnh, thức thứ tám tâm vương chỉ là tánh cảnh, vì nhân duyên biến nên tương ứng với tác ý v.v... năm tâm sở, là tự đời chất chân độc ảnh cảnh.

Hỏi: Ba cảnh lấy gì làm thể?

Đáp: 1- Tánh cảnh dùng thật năm trần làm thể, đủ tám pháp mà thành. tám pháp, tức là bốn đại: Địa, thủy, hỏa, phong và bốn vi: Sắc, hương, vị, xúc. Đây là ước hữu vi mà nói. Nếu năng duyên vị hữu lậu thì trừ thức thứ bảy, còn bảy thức kia đều dùng tâm, tâm sở của mình làm thể, là độc ảnh cảnh thứ hai. Dem kiến phần giả biến của thức thứ sáu mượn tướng phân làm thể, năng duyên tức tâm, tâm sở của mình làm thể. Đối chất thứ ba tức biến khởi trung gian mượn tướng phần làm thể. Nếu năng duyên trong vị Hữu lậu thì chỉ tâm, tâm sở của hai thức sáu, bảy làm thể. Nhiếp Luận nói: Viễn hành và độc hành không có thân ngủ ở trong hang mà điều phục tâm khó điều, đó gọi là Chân Phạm chí. Bách pháp giải thích rằng: Như Lai ý căn xứ mà nói viễn hành và độc hành. Tùy ý thức vô minh mà khắp duyên tất cả cảnh nên gọi là viễn hành (đi xa). Lại các tâm nối tiếp mỗi mỗi chuyển không có thật chủ thể nên gọi là độc hành (đi một mình). Không có thân, tức là tâm không hình chất. Ngủ trong hang tức là nương nhờ các căn ngầm chuyển trong thân nên gọi là ngủ trong hang. Ngủ là giấu, chứa. Tức tâm chứa ở trong thân. Ý kệ này là phá ngoại đạo chấp có thật ngã. Thế Tôn nói: Chỉ là tâm độc hành không có chủ thể khác, cho nên nói độc hành. Lại từ vô thủy trải qua cảnh sáu trần nên gọi là viễn hành.

Am-ma-la (Amala), dịch là Thanh tịnh thức. Ngài Tăng Độn Chú Kinh Kim Cang Tam-muội gọi là Bạch tịnh vô cấu thức kinh ấy Phật nói: Chư Phật Như Lai thường lấy một giác mà chuyển các thức vào Am-ma-la. Vì sao thế, vì tất cả chúng sanh bản giác thường dùng một giác để giác ngộ các chúng sanh khiến chúng sanh ấy đều được bản giác mà giác các tình thức không tịch vô sanh. Vì sao thế, vì quyết định bản tánh vốn không động. Huân Văn nói: Thiên Thai y nhiếp Đại thừa nói Am-ma-la gọi là Vô phân biệt trí quang, tức là tịnh thức thứ chín vậy. Song theo lời các luận nói thì thức thứ tám nếu đến ngã kiến vĩnh viễn chẳng khởi vị tức bỏ tên Lê-da, riêng được gọi là thanh tịnh, thì quả vị đó gọi là Am-ma-la. Ngài Thiên Thai y nhiếp Đại thừa mà lấy tên thức thứ chín, là chẳng phải không sâu xa. Đây là y theo Nhiếp

Luận Bản Lương của ngài Chân Đế dịch. Phụ Hành nói: Chân Đế Tam tạng nói: A-đà-na bảy thức đây gọi là chấp ngã thức. Đây tức hoặc tánh thể tức nhân duyên. A-lại-da tám thức, đây gọi là tàng thức. Vì hay giữ gìn trí chủng chẳng mất, thể là vô một vô minh tánh vô minh, tánh là liễu nhân. Am-ma-la thức thứ chín gọi là thanh tịnh thức, tức là chánh chân. Đường Tam Tạng chẳng chịu thức này bảo rằng: Thức thứ chín là tên khác của thức thứ tám. Cho nên Nhiếp Luận bản mới dịch không giữ tên thức thứ chín. Trong Địa Luận cũng không có thức thứ chín, chỉ lấy thức thứ tám đối với chánh nhân, thức thứ bảy đối với liễu nhân, thức thứ sáu đối với duyên nhân. Nay y theo ngài Chân Đế mà hợp hai thức sáu, bảy gọi là duyên nhân. Vì trong thức thứ sáu là sự thiện ác cũng là hoặc tánh, giao giải thích nghĩa thức không phải chỗ luận này. Chỉ vì thể tánh ba thức đối với ba đức ba nhân ở lý tức đủ. Luận gia tuy dịch thức là trí mà chẳng tức chiếu ba thức một tâm tức là một tâm ba trí đầy đủ. Quang Minh Huyền nói: Am-ma-la thức là thức thứ chín bất động, nếu phân biệt thì tức là Phật thức. A-lại-da thức tức là vô một thức thứ tám, cũng có tùy miên phiền não cùng vô minh hợp, phân biệt ra thì đó là Bồ-tát thức.

Đại Luận nói: Ở tâm Bồ-tát thì gọi là Bát-nhã (trí) tức cùng nghĩa vậy. A-đà-na là phân biệt thức thứ bảy, chê ác sanh tử, ham tốt Niết-bàn, nếu phân biệt là Nhị thừa thức. Ở Phật tức là phương tiện trí. Sóng nước là phạm phu thức thứ sáu không đợi phải nói.

Tông Cảnh nói mười tên của thức thứ chín: một là tự thể không nên gọi là Chân thức, hai là thể chẳng có không nên gọi là Vô tướng thức, ba là quý dụng chẳng đổi nên gọi là Pháp tánh thức, bốn là chân giác thường còn chẳng phải ẩn hiển nên gọi là Tánh chân thức, năm là tánh dứt hư giả nên gọi là Thật tế thức, sáu là đại dụng vô phương (vô biên) nên gọi là Pháp thân, bảy là tùy lưu (theo dòng?) chẳng nhiễm nên gọi là Tự tánh thanh tịnh thức, tám là Am-ma-la, dịch là Vô cấu thức, chín là thể chẳng khác nên gọi là Chân như thức, mười là thắng diệu dứt đối đãi gọi là Bất khả danh mục thức.

Càn-lật-đà-da (Hrdaya), hoặc gọi Mâu-hô-lật-đa, dịch là Kiên thật tâm (tâm bền thật (chắc)). Lăng-già chú rằng: Gọi là Đệ nhất nghĩa tâm. Như cây trịnh thật tâm, không phải niệm lự (nghĩ ngợi), chính là tánh bản hữu của quần sanh. Lại Ma-ha-diễn lập mười thức gồm nhiếp hết các thức. Thế nào là mười, tức trong chín thức trước gia thêm Nhất thiết nhất tâm thức. Văn luận ấy nói: Gọi Nhất tâm thức là khắp ở hai thứ tự tại không chỗ nào chẳng an lập. Như Phật bảo Văn-thù-sư-lợi

rằng: Ta chỉ lập một (111) thứ thức mà không lập ra các thức khác. Vì sao thế, vì một thứ thức là gồm nhiều các thức, thức này có các thứ thức, hay làm tất cả thứ danh tự (tên gọi) mà chỉ một thức trọn không có pháp khác. Thế nên ta nói lập ra một thứ thức. Nay gọi Nhất thiết nhất tâm thức là tiếng phượng này gọi, còn tiếng Phạm là Càn-lật-đà-da.

Hỏi: Nhất thiết nhất tâm thức cùng Am-ma-la khác nhau thế nào?

Đáp: Từ lý chư Phật chứng bèn lập ra tên Am-ma-la, nếu ở gốc chúng sanh mê thì gọi là Càn-lật-đà. Vì sao thế, vì kinh nói: “Mà chuyển các thức vào Am-ma-la”. Thế nên biết quả vị gọi là Am-ma-la Nhất thiết nhất tâm thức. Luận nói: Hay làm tất cả các thứ tên, biết đó là gốc mê của quần sanh mà cội luận nghĩa này, các Hậu hiền nên biết rõ.

Lễ Ký nói: Người sanh mà Tánh tịnh thiên, cảm vật mà Dục làm động tánh. Đây là nhà Nho lấy Tịch nhiên bất động làm tánh, cảm mà bèn thông gọi là tình. Tông ta thì lấy Minh tịnh chân tâm làm tánh, là lý cụ vậy, hòn động vọng niệm làm tình là sự tạo vậy. Cho nên Lăng-nghiêm nói: Từ vô thủy đến nay sanh tử tiếp nối đều do chẳng biết chân tâm thường trụ, minh thể tánh tịnh mà dùng các vọng tưởng. Tưởng này chẳng chân cho nên có lưu chuyển. Vì tánh tịnh này mà tám thức trước của mười thức đều thuộc tình, chín mươi hai thức bèn là tánh.

Hỏi: Tâm và tánh đồng hay khác?

Đáp: Hoặc đồng hoặc khác. Nói đồng, là như Kinh Lăng-nghiêm nói: Chân tâm thường trụ minh thể tánh tịnh đây đều là chỉ chân. Quang Minh nói: Tâm thức hai tánh theo động chẳng dừng, đây đều là nói vọng. Nói khác là như Lăng-nghiêm nói: Thuần nhĩ đa tánh có thể tiêu mất, thức-ca-la tâm không động chuyển. Đây là tâm chân mà tánh vọng. Đại Ý nói: Vì tùy duyên bất biến nên là tánh, vì bất biến mà tùy duyên nên là tâm. Đây là tánh chân mà tâm vọng. Sự Trung Quốc nói: Lúc mê thì kết tánh thành tâm, khi ngộ thì mở tâm thành tánh. Song chân vọng hai tâm kinh luận đã nói rõ đại khái có bốn nghĩa: một là chỉ chân tâm, Khởi Tín Luận nói: Chỉ là một tâm nên gọi là Chân như; hai là chỉ vọng tâm, như Kinh Lăng-già nói: Các thứ thức như sóng trào mà chuyển sanh; ba là từ chân khởi vọng, như Kinh Lăng-già nói: Tạng của Như Lai là nhân thiện và bất thiện hay khắp hưng tạo tất cả thú sanh; bốn là chỉ vọng tức chân, như Lăng-nghiêm nói: Thì ông nay thức tỉnh vốn sáng. Lại Tịnh Danh nói: Lũ phiền não là giống Như Lai. Các văn nêu bày thì bốn thứ này gồm hết. Song các thức này Tây Vực - Đông hạ lăng xăng nói khác nhau. Nay trước nêu chỗ khác nhau, sau kể chỗ

hội thông.

1- Chấn khác, là tánh tướng hai tông phân chia ở Tây Vực, nhóm Nam Bắc mạnh nhất ở Tề triều, cho nên chùa Lan-đà ở Tây Vực có Đại đức Giới Hiền, nối xa ngài Di-lặc, Vô Trước nối gần ngài Pháp Hộ, Nan-đà, y vào Kinh Thâm Mật và Luận Du-già mà lập tông pháp tướng. Nói pháp tướng là cùng vào nghiệp tướng tám thức xem là gốc sanh khởi các pháp. Cho nên pháp tướng tông lấy thức tướng hành bố làm chỉ. Cũng ở chùa ấy đồng thời có Đại đức Trí Quang xa nối ngài Văn-thù, Long Thọ, gần nối ngài Thanh Mục - Thanh Biện, y vào Kinh Bát-nhã và Luận Trung Quán mà lập tông pháp tánh. Nói pháp tánh là lấy chân như tùy duyên làm gốc nhiễm tịnh. Một là tánh tông thì lấy chân lý dung quán làm môn. Kịp đến Đông hạ thì Nhiếp Luận có đời Lương, đời Đường hai khác. Địa Luận phân Nam - Bắc khác nhau, vì Vô Trước Bồ-tát tạo Nhiếp Đại thừa Luận truyền đến cõi này. Hai là giải thích bất đồng: 1/ Ngài Chân Đế đời Lương lập ra chín thức kể thức thứ tám sanh khởi các pháp, như luận ấy nói mười thức tướng. Một là y chỉ tướng tướng nói thức thứ tám sanh mười hai nhân duyên; 2/ Ngài Huyền Trang ở đời Đường dịch mới Nhiếp Luận chỉ lập có tám thức, bèn gọi thức thứ chín chỉ là tên khác của thức thứ tám. Đây là Đường - Lương khác nhau. Thiên Thân Bồ-tát tạo Thập Địa Luận, dịch truyền cõi này Nam Bắc đều kể. Nam đạo ở Tương châu kể Lê-da là Tịnh thức, Bắc đạo ở Tương châu kể Lê-da là Vô minh, đây là Nam Bắc khác nhau.

2- Hội thông (giống nhau), Diệu Huyền nói: Nay tôi tâm vô minh chẳng tự chẳng tha, chẳng cộng chẳng vô nhân. Bốn cú đều chẳng thể nghĩ bàn. Đây là ước tự hạnh pháp kế chấp Nam Bắc chẳng còn. Nếu có bốn tất-đàn nhân duyên thì cũng có thể nói được. Đây là ước Hóa tha. Tánh tướng đều có đủ. Vì trong A-lê-da có chủng tử sanh tử huân tập tăng trưởng tức thành Phân biệt thức. Nếu trong A-lê-da có chủng tử trí tuệ, văn huân tập tăng trưởng, tức chuyển y thành đạo hậu chân như nên gọi là Tịnh thức, nếu khác hai thức này thì chỉ là A-lê-da thức. Đây cũng là một pháp mà luận ba, trong ba mà luận một. Nhiếp Luận nói: Như đất vàng nhiễm tịnh, nhiễm là dụ cho sáu thức, vàng là dụ cho Tịnh thức, đất là dụ cho Lê-da thức. Văn đã rõ ràng cần gì tranh cãi. Lại Tông Cảnh nói: Thức a-lại-da này tức là Chân tâm, chẳng giữ tự tánh riêng mà tùy duyên Nhiễm tịnh, chẳng hợp mà hợp, hay chứa giấu tất cả cảnh giới Chân tục, cho nên gọi là Tạng thức. Như gương sáng chẳng cùng ảnh tượng hợp mà chứa ảnh tượng. Đây là ước nghĩa hòa hợp mà nói, nếu nghĩa không hòa hợp thì thể thường còn chẳng đổi khác, nên

gọi là Chân như, vốn là một Chân tâm trong sáng chẳng động. Nếu có người chẳng tin A-lại-da thức là Như Lai Tạng mà riêng cầu lý Chân như thì như lìa hình ảnh mà tìm gương, đó là ác tuệ, vì chưa hiểu rõ nghĩa bất biến mà tùy duyên tùy duyên mà bất biến mà sanh hai chấp. Lại Tông Cảnh lấy Lý - Lượng hai môn mà gồm thâu hết tất cả tánh tướng. Thức tướng Diệu hữu là như Lượng môn, thức tướng chân không là như Lý môn.

Hỏi: Chân tâm không hình tướng vì sao biết là có thể bất không thường trụ trạm nhiên?

Đáp: Lấy sự nghiệm biết, nhân dụng có thể luận. Sự thì hay hiển lý, dụng thì hay bày thể. Như thấy sóng sanh thì biết là có thể nước. Phải quán môn Lý - Lượng để tạo Đạo tánh tướng.

### 58. PHÁP ẤM - NHẬP - GIỚI.

Trí Luận nói: Trong tất cả các pháp chỉ có danh và sắc, nếu muốn như thật quán, chỉ phải quán danh sắc. Tâm chỉ có tự (chữ?) nên gọi là danh (tên?). Hình chất là pháp ngại nên gọi là sắc, mà người phạm phu mê sắc tâm này có khinh trọng (nặng nhẹ) khác nhau. Cho nên Phật đối cơ mà nói ba khoa pháp Ấm - Giới - Nhập.

Hàn-kiên-đà (Skudha), dịch là Uẩn, uẩn nghĩa là chứa nhóm. Xưa dịch là Ấm, ấm là che lấp. Chứa nhóm hữu vi che lấp chây nát. Lại Nhân Vương nói: Bất khả thuyết thức sanh hai pháp sắc tâm của các loài hữu tình. Sắc là sắc uẩn, tâm là bốn uẩn kia đều là tánh chứa nhóm che giấu chân thật. Đây gọi sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là năm uẩn. Âm Nghĩa Chỉ Qui nói: Từ đời Hán dịch kinh gọi là Ấm, đời Tấn ngài Tăng Duệ đổi là Chúng, đến Đường Tam Tạng (Huyền Trang) đổi gọi là Uẩn.

Bát-la-phệ-xa (Pravésa), dịch là Nhập. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Thường gọi là nhập, nghĩa là vào. Căn trần đối nhau thì có thức sanh, thức y căn trần vẫn là Năng nhập, căn trần tức là Sở nhập. Nay mười hai thứ này từ Sở nhập mà được tên. huân Văn nói: Phạm sáu nhập có hai nghĩa: một là căn trần cùng nhập vào nhau, hai là căn cảnh đều là Sở nhập (chỗ vào) của thức, nên các kinh gọi là mười hai nhập. Còn Kinh Lăng-nghiêm chỉ lấy sáu căn làm nhập. Bởi căn có nghĩa thẳng (lớn) hay sanh ra thức, lại căn hay nhận cảnh mà hút nắm tiền trần nên riêng gọi là Nhập. Nên gọi là sáu tên giặc mưu cướp của báu trong nhà. Lại gọi sáu nhập là vào sáu thôn làng. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Sáu nội gọi là Nhập, vì sáu pháp này thân thiết thuộc bên trong (nội) làm chỗ

nuờng cho giặc nên gọi là Nhập. Cũng gọi là Căn. Căn có nghĩa là hay sanh, vì sáu thứ này đều có công sanh thức nên gọi chung là Căn. Sáu nhập bên ngoài, sáu thứ này ở xa nên thuộc ngoài là chỗ thức dính vào (duyên vào) cho nên gọi là Nhập, cũng gọi là Trần. Trần có nghĩa là nhiễm ô, vì hay làm nhiễm ô tình thức gọi chung là Trần. Lại mười hai xứ, thì Bách Pháp Sở nói: Xứ có nghĩa là sanh trưởng, tức sáu thức y vào Căn - Trần mà được sanh trưởng, nên gọi mười hai xứ.

Đà-đô (Dhātu), dịch là Giới. Bách Pháp Sở nói: Giới nghĩa là nhân, sáu thức trung gian nhờ sáu căn mà phát, sáu cảnh kéo dắt cùng thức làm nhân, nên gọi là Giới. Pháp Giới Thứ Đệ nói: Giới có nghĩa là giới biệt (làm sanh giới riêng biệt?) tức mười tám pháp này đều có thể riêng, nghĩa nó không hỗn lạp nhau, nên gọi là mười tám giới. Nếu căn có đối (trần) liền có thức sanh, thức có nghĩa là thức biệt (phân biệt, biết). Thức y vào căn thì hay phân biệt trần nên gọi chung là Thức. Do ba thứ căn - trần - thức đều có sáu pháp mà thành mười tám giới. Cả ba khoa này như Cu-xá nói: Tụ sanh môn chủng tộc (hợp nhau sanh bà con?) là nghĩa Uẩn xứ giới. Ngu căn lạc có bà, nên nói Uẩn xứ giới. Giải thích rằng: Ngu ba: một là ngu tâm, tức nói năm ấm thì mở tâm làm bốn, hợp sắc làm một; hai là ngu sắc, là nói mười hai xứ, thì mở sắc thành 10,5 xứ (mười xứ rưỡi) nghĩa là 5 căn + 5 trần + ½ pháp trần thiếu phần; ba là ngu tâm và sắc, là nói mười tám giới, thì lại mở tâm làm 7,5 giới (bảy giới rưỡi), nghĩa là sáu thức ý căn + ½ pháp trần thiếu phần. Nói ngu tức là mê vậy. Căn ba, nghĩa là thượng - trung - hạ căn. Lạc ba, nghĩa là rộng trong lược như kế phối ba khoa pháp.

Ca-la-la (Kalala), hoặc Yết-la-lam, dịch là ngưng hoạt. Lại gọi là tạp uế, tức giống như ngưng tô (váng sữa đặc). Là năm vị này ở bảy ngày đầu trong thai. Đại Tập Kinh nói: Khi Ca-la-la thì có ba sự: một là Mạng (mạng sống), hai là Hoãn (hơi ấm), ba là Thức. Thở ra vào gọi là Thọ mạng (mạng sống), crnát chẳng thúí gọi là Hoãn, tức là nghiệp giữ hỏa đại và địa, thủy v.v... các sắc mà chẳng rõ thúí. Trong đó tâm ý gọi là Thức, tức là tâm hiểu biết từng sát-na vậy lớn lên không tăng giảm, ba pháp hòa hợp từ sanh đến chết, giống thức này tức là mạng căn. Cho nên Tông Cảnh dẫn lun nói rằng: Song y thân sanh chủng tử thức này, lấy chủng tử này làm nghiệp lực, nên giữ gìn thân một báo, công năng sai khác khiến được quyết định. Nếu chủng tử này không có công năng này thì thân liền rã nát. Cho nên lấy thân sanh chủng tử làm mạng căn. Phàm mạng căn lấy tâm mà giả lập. Mạng là năng y. Tâm là sở y. Sanh Pháp sư nói: Lửa đốt củi quay thành vòng, vòng có mang lửa mà thành



sáng. Tình cũng như thế, ất giúo tâm thành dụng. Nạng y (nương) tâm như tình y (nương) tâm.

Át-bộ-đàm (Arbuda), hoặc Tét-bộ-đàm, Át-phù-đà, dịch là Bào, hình dạng như san bào (khối u?) là thai mười bốn ngày.

Tệ-thi (Pési), hoặc Bế-xích, già-na, dịch là ngưng kết, hình dạng giống như tụ huyết hoặc gọi huyết nhục (khối thịt mềm) là thai hai mươi mốt ngày.

Kiến-nam (Ghana), hoặc yết-nam, dịch là ngưng hậu hơi cứng, cũng gọi là ngạnh nhục (khối thịt cứng) là thai hai mươi tám ngày. Tuy có thân ý nhưng còn thiếu mắt v.v... bốn căn và sáu xứ chưa hoàn hảo, chỉ gọi là danh sắc. Kinh Niết-bàn Phật nói: Như nói danh sắc buộc ràng chúng sanh. Danh sắc nếu mất thì không có chúng sanh. Lìa danh sắc rồi thì không có chúng sanh khác, lìa chúng sanh rồi thì không có danh sắc khác. Cũng gọi là danh sắc buộc ràng chúng sanh, cũng gọi là chúng sanh buộc ràng danh sắc.

Bát-la-xa-khư (Prazàkhà), dịch là hình vị, đã đủ các căn hình, tay chân riêng khác. Cu-xá lấy thai ba mươi lăm ngày gọi là Thai trung năm vị, thai bốn mươi hai ngày gọi là Phát mao trảo xỉ vị, thai bốn mươi chín ngày gọi Cự căn vị vì năm căn đã đầy đủ. Nói căn là tăng thượng xuất sanh (tăng thượng sanh ra) nên gọi là căn. Năm thức nhờ đó làm tăng thượng duyên mà sanh ra. Lại đủ năm nghĩa sau mà gọi là căn, đó là Nghiêm - Tục - Y - Phát - Biến biệt. Từ thai ba mươi lăm ngày đến chưa sanh ra thì gọi là lục nhập. Nói bào thai thì Thuyết Văn nói: Cái ao thịt bọc đứa bé gọi là thai. Nhĩ Nhã nói: Thai là thủy dưỡng (nuôi dưỡng ban đầu).

Chước-sô (Caksus), Chước là đi (làm?), sô là hết, nghĩa là bay ở các cảnh mà đi hết thấy các sắc nên gọi là Hành tận. Nên Du-già nói: Nhiều lần xem các sắc xem xong rồi bỏ nên gọi là nhãn (mắt) có nghĩa là đuốc chiếu (soi đuốc). Lăng-nghiêm nói: Nhãn như trái nho, hoặc nói nhãn như ao suối mùa thu. Nhãn có năm thứ: một là Nhục nhãn, hai là Thiên nhãn, ba là Tuệ nhãn, bốn là Pháp nhãn, năm Phật nhãn. Nay trước luận chung sau sẽ luận (phân biệt) riêng. Trước luận chung là Đại Phẩm nói: Bồ-tát khi làm Bát-nhã, tịnh ở năm nhãn. Nhục nhãn tịnh thì thấy ba ngàn Đại thiên thế giới. Thiên nhãn tịnh thì thấy trong hằng sa mười phương thế giới chư Phật các chúng sanh chết đây sanh kia. Tuệ nhãn thì Bồ-tát chẳng nghĩ rằng pháp này là hữu vi hoặc vô vi, là thế gian hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu hay vô lậu, đó là Tuệ nhãn thì Bồ-tát không pháp nào chẳng thấy, không pháp nào chẳng hay, không pháp



nào chẳng biết, ấy là Tuệ nhãn tịnh. Bồ-tát (đây là Phật Thích-ca) pháp nhãn thì biết người ấy vào Tùy tín hạnh, người ấy Tùy pháp hạnh, người ấy Vô tướng hạnh, người ấy làm (hạnh) không giải thoát môn, người ấy làm Vô tướng giải thoát môn, người ấy làm vô tác giải thoát môn mà được năm nhãn. Được năm nhãn cho nên được Vô gián Tam-muội được Vô gián Tam-muội nên được giải thoát trí v.v... Cho đến biết Bồ-tát ấy ngồi được đạo tràng hay chẳng thể ngồi được đạo tràng, biết Bồ-tát ấy có ma hay không ma, thì đó là Bồ-tát (đây là Phật Thích-ca) Pháp nhãn tịnh. Bồ-tát (đây là Phật Thích-ca) vào như Kim cang Tam-muội mà phá các phiền não tập tức thì liền được vô ngại giải thoát của chư Phật, liền sanh Phật nhãn, đó gọi là Nhất thiết chủng trí, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí cho đến Đại từ, Đại bi v.v... các công đức. Đó là Phật nhãn. Đại Luận giải thích rằng: Nhục nhãn thấy gần mà chẳng thấy xa, thấy trước mà chẳng thấy sau, thấy ngoài mà chẳng thấy trong, thấy ngày mà chẳng thấy đêm, thấy trên mà chẳng thấy dưới. Vì các trở ngại đó nên phải cầu Thiên nhãn. Được Thiên nhãn ấy thì gần xa đều thấy, trước sau, trong ngoài, ngày đêm, trên dưới đều thấy không trở ngại. Nhưng Thiên nhãn ấy chỉ thấy hòa hợp nhân duyên giả gọi là vật mà chẳng thấy thật tướng. Đó gọi là không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt như trước, giữ sau cũng thế. Vì thật tướng nên cầu Tuệ nhãn. Được Tuệ nhãn thì không còn thấy chúng sanh dứt hết các tướng khác lạ, lìa bỏ các đấm trước chẳng nhận tất cả pháp. Trí tuệ từ bên trong diệt hết (tự nội diệt?), đó gọi là Tuệ nhãn. Nhưng chỉ Tuệ nhãn thì không thể độ chúng sanh, là vì sao, vì không có phân biệt. Thế nên phải sanh Pháp nhãn. Pháp nhãn hay khiến người làm pháp ấy thì được đạo ấy, biết tất cả chúng sanh mà có các phương tiện môn khiến được chứng đạo. Nhưng Pháp nhãn chẳng thể khắp biết tất cả phương tiện để độ chúng sanh, cho nên phảo cầu Phật nhãn. Phật nhãn thì không việc nào chẳng thấy. Đối với người khác thì rất xa nhưng đối với Phật thì rất gần, với người khác rất kín tối nhưng với Phật thì sáng tỏ, với người khác là rất vi tế nhưng với Phật là rất cạn cợt. Phật nhãn ấy thì không việc gì chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng biết, không việc gì là khó. Không cần nghĩ suy, trong tất cả pháp Phật nhãn luôn chiếu sáng. Đó là năm nhãn. Nay lập bốn nghĩa để luận tướng của nói.

1. Ước về người, Tịnh Danh Ký nói: Muốn chỉ Nhục nhãn trong loài người nên nói nhãn bốn thú không bằng trời, người nên bị phá. Đây là một lẽ. Cũng có rộng quý hơn Nhục nhãn người song trọn là ác nghiệp. Từ đạo đã phán quyết xong. Lại nói: Dùng Thiên nhãn ở Sắc

giới mà phá cõi Dục có Tứ thiên Thiên nhân, Thanh văn là Tuệ nhân, Bồ-tát là Pháp nhân, Như Lai là Phật nhân. Tịnh Danh Ký nói: Ba nhân trước thì Nhị thừa hai giáo cũng có được, Pháp nhân thì Bồ-tát ba giáo cũng có được vì sao năm nhân đều đoạt là không? Đáp: Tùy giáo y lý tướng nói có khác. Nếu nói chư Phật, Bồ-tát có thì tức là bốn nhân đối lý, địa tục có được một phần, Phật mới rốt ráo. Cho nên Nhục nhân một lúc khắp thấy mười phương, Thiên nhân chẳng dùng hai tướng mà thấy, Tuệ nhân bèn gọi là Đệ nhất tịnh, cho nên Pháp nhân, Phật nhân nguyên lai rất khác nhau. Ấy thì năm nhân đều đủ ở Phật. Nhị thừa và người thì đều không nhân, như mù từ mới sanh.

Hỏi: Nhục nhân của Phật và Nhục nhân của người giống hay khác?

Đáp: Phàm phu bị ác nghiệp che nên mù, Phật quả huân công đức nên thanh tịnh. Nên Đại Bát-nhã nói: Nhục nhân của Phật có thể thấy trong người có vô số thế giới chẳng chỉ chướng nội. Cho nên biết Nhục nhân phàm phu chỉ thấy chướng nội, nghĩa như mù vậy.

Hỏi: Nhục nhân có chướng ngại vì sao khắp thấy?

Đáp: Đại Luận nói: Báo sanh thì Thiên nhân ở trong Nhục nhân, Thiên nhân mở thì Nhục nhân thấy sắc, cho nên thấy cả Đại thiên.

Lại nói: Thiên nhân có hai: một là quả báo mà được, hai là tu thiên mà được. Quả báo mà được thì thường cùng Nhục nhân hợp dùng, chỉ đêm tối thì Thiên nhân riêng dùng.

Hỏi: Phật đủ Nhục nhân thì cùng Phật nhân đồng hay khác?

Đáp: Tịnh danh Ký nói: Nay lấy chứng lý mà thấy các sắc thô tế ở mười phương cõi và mười pháp giới thì gọi là Thiên nhân của Phật. Nếu viên thấy ba đế chẳng hai thì gọi là Phật nhân.

2. Ước dụng mà giải thích. Như Tịnh Danh Sơ nói: Chỉ nhân là tên chung. Từ dụng mà phân biệt thì có năm thứ: một là Nhục nhân thấy thô sự sắc, hai là Thiên nhân thấy nhân quả tế sắc, ba là Tuệ nhân thấy thô tế sắc tâm lý thiên, chân (thấy sắc thô tế mà tâm thiên về lý chân?), bốn là Pháp nhân thì thấy sắc tâm thô tế nhân duyên mà giả gọi các pháp tục đế, năm là Phật nhân thấy ký trung đạo viên chân Phật tánh, lại hay song chiếu thô tế nhân duyên sự lý.

Hỏi: Thấy chân của trung đạo gọi là Phật nhân, không biết Bồ-tát phần chứng và Phật cứu cánh thì đồng hay khác?

Đáp: Như Phát Chấn nói: Phần chứng cùng cứu cánh về năm nhân thì chỉ có sáng tối khác nhau thôi.

3. Ước về đế mà giải thích. Như Tịnh Danh Sơ nói: Viên quán ba

đế, quán tục cảnh, phá các ác nghiệp thì gọi là Tịnh Nhục nhãn. Quán tục đế cảnh, phá các loạn tâm thì gọi là Tịnh Thiên nhãn. Nếu quán Chân đế, phá giới nội hoặc thì gọi là Tịnh Tuệ nhãn. Quán nội ngoại tục đế mà phá trần sa vô tri thì gọi là Tịnh Pháp nhãn. Quán trung song chiếu, viên trừ vô minh ấy là Tịnh Phật nhãn. Ấy thì Nhục Thiên hai nhãn là pháp nhãn, duyên sanh ra, còn ba nhãn sau là đế ba quán chiếu ra.

4. Ước giáo mà giải thích. Như Tịnh Danh Sớ nói: Ước giáo thì có bốn Phật năm nhãn chẳng đồng. Trong Kim cang Bát-nhã, Phật hỏi Tu-bồ-đề: Như Lai có Nhục nhãn chẳng v.v... Chuẩn theo năm nhãn này thì đều thông bốn giáo. Nếu giải thích riêng thì như Tịnh Danh Ký nói: Nếu lấy tướng Thiên viên đối đãi nhau mà gồm nói thì chỉ là Viên Phật nhãn, Biệt giáo Pháp nhãn, Thông Bồ-tát Tuệ nhãn, Tạng Bồ-tát Nhục Thiên hai nhãn. Lại Tịnh Danh sớ nói: Nếu các phàm phu thì Nhục nhãn, Thiên nhãn thấy tướng thô tế. Thanh văn thì chỉ có ba nhãn, Nhục nhãn và Thiên nhãn thấy đồng như trên, còn Tuệ nhãn thì thấy tướng Chân đế, tức là thấy tướng hai đế. Ba nhãn của Tạng Bồ-tát đã chưa dứt hết hoặc nên chẳng thấy tướng Chân đế, chỉ có Nhục nhãn, Thiên nhãn thì thấy thô tướng của Thế đế. Còn Thông giáo Bồ-tát cũng chỉ có ba nhãn, chỉ thấy tướng huyễn hóa của hai đế. Biệt giáo Bồ-tát thì được bốn nhãn, ba nhãn như trên, riêng được Pháp nhãn, thấy giới nội ngoại hằng sa Phật pháp, vô lượng lý bốn đế và là thấy tướng thấy. Nếu Viên giáo Bồ-tát trụ ở vị Thập tín thì tuy có Nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn, tương tự Viên thấy tướng pháp giới, dù hoặc chưa trừ hết cũng gọi là thấy tướng thấy. Nếu vào Sơ trụ, phát chân vô lậu tức là năm nhãn viên khai. Đây đều là luận chung.

Kế luận riêng, Tịnh Danh Sớ dẫn Thủ-lăng-nghiêm nói: A-na-luật nói: Khi tôi mới xuất gia thường thích ngủ nghỉ, Như Lai quở trách tôi là loài súc sanh. Tôi nghe Phật quở, khóc lóc tự trách bảy ngày không ngủ mà mất cả hai mắt. Bèn bạch Phật kể hết mọi việc. Phật nói ngủ là mất ăn, như người bảy ngày không ăn thì sẽ mất mạng, bảy ngày không ngủ thì mất cũng mất mạng khó thể trị. Phải tu Thiên nhãn để thấy việc đời. Nhân đó tu Thiên mà được bốn đại tịnh sắc nửa đầu mà thấy. Nói nửa đầu là xưa Thần Ngộ nói nửa trên ngang mày như lưu ly trong suốt. Đây là trái với Lăng-nghiêm nói trước thấy sau. Nan Bình nói: Nửa đầu trước thấy Đại thiên giới chỉ thấy trước mà chẳng thấy sau. Nay nói sót (trái?) lời giải này. Tịnh Danh Sớ nói: Na-luật tu thiền được bốn đại thanh tịnh tạo sắc nửa đầu Thiên nhãn, từ nửa đầu trên đều được thấy xem thấy ba

ngàn Đại thiên thế giới như trái Am-ma-lặc. Nếu ba tạng Phật được toàn đầu Thiên nhãn, một đầu đều phát tịnh sắc suốt thấy vô ngại. Nay xem hai thuyết thì cũng như cò và trai giữ chặt nhau. Nay nhân tệ ấy mà hội thông.

Tịnh Danh Quảng Sở lấy trên làm phân nửa (bán) chính là chỉ bày cái để Thiên nhãn do báo mà được Thiên nhãn ở trong Nhục nhãn, do tu mà được Thiên nhãn ở ngoài Nhục nhãn. Đã ở ngoài nhãn thì phát sắc nửa đầu. Tuy nửa đầu tịnh mà khi nhìn vật thì chỉ thấy ở trước. Do đó Kinh Lăng-nghiêm ước dụng mà nói. Song chỗ Thanh văn phát Thiên nhãn nửa đầu cùng Phật toàn đầu thì hơn kém rất khác. Lại Phật tùy chỗ nhập định muốn thấy liền thấy, còn Thanh văn phải nhập định có được thì mới thấy cảnh. Lại Phật thì có thể thấy tất cả Phật độ còn Na-luật chỉ thấy Đại thiên. Tịnh Danh Sở nói: Nhị thừa tuy có Thiên nhãn phải tác ý muốn thấy ngàn cõi cho đến Đại thiên. Còn chư Phật, Bồ-tát có Chân Thiên nhãn chẳng dùng hai tướng mà thấy rõ các Phật độ. Thiên Thai nói: Trung đạo Chân Thiên nhãn, không phải tướng hai đế, mà hay khắp chiếu bốn độ ba thứ sanh tử chết đây sanh kia, y chánh đều hiện trong Vương Tam-muội, ấy là Chân Thiên nhãn.

Hỏi: Na-luật đã thấy trước sao lại mượn người xuyên kim?

Đáp: Vào định thì thấy, ra định thì không biết. Triệu nói: Nhị thừa ở trong định thì thấy, ra định thì không thấy. Kinh Khê Ký nói: Nếu ước Na-luật mất mất ra quán chỉ đồng với người đời hư căn chẳng thấy.

Hỏi: Tạng Thông hai giáo đã chẳng nói trung, lấy gì làm Phật nhãn?

Đáp: Biệt Hành Huyền Ký nói: Cho nên nay Chánh sử và hai Tập khí đồng thời mà hết, cho nên có thể hai đế đều rõ ráo. Phương khác ba thừa đệ tử riêng bày Phật nhãn Phật trí. Lại nữa, Thiên nhãn của Na-luật cùng Thiên nhãn của Đại Phạm vương tuy đồng mà khảo xét có bốn khác: một là Báo - tu khác, Phạm vương do báo mà được ở trong Nhục nhãn, còn Na-luật do tu mà được ở ngoài Nhục nhãn; hai là chung riêng khác, Tịnh Danh Sở nói: Lại Phạm vương là thấy tướng chung nên thấy không rõ ràng, Na-luật là thấy tướng riêng nên thấy rõ. Cho đến A-la-hán nhân tịnh thiền mà được thì đều thấy tướng riêng; ba là tự tha khác, Phạm vương do báo được nên từ chỗ ở của mình thì thấy còn phương khác thì không thấy, còn Na-luật do tu căn bản mà được năm thứ Tứ thiền vào sắc thanh tịnh phát Chân Thiên nhãn tùy chỗ đến mà đều thấy Tam thiên; bốn là thông minh khác, Thiên nhãn của Phạm vương là thông mà không phải minh, còn Thiên nhãn của La-hán là

thông lại là minh.

Lại Tịnh Danh Sớ hỏi: Thiên nhãn của Phạm vương thấy cõi Đại thiên cùng Nhục nhãn của Pháp hoa có gì khác?

Đáp: Đại Luận nói: Thiên nhãn do báo sanh thì ở trong Nhục nhãn, còn Thiên nhãn là khai tịch Nhục nhãn thấy sắc nên thấy sắc nên thấy Đại thiên. Đại Phẩm nói: Nhục nhãn của Bồ-tát thấy trăm do-tuần cho đến Đại thiên, quá mức này thì dùng Thiên nhãn. Dùng Nhục nhãn cùng gió trái nhau nên không nói thấy độ (cõi) khác. Như Kinh Pháp Hoa thì sức Nhục nhãn có thể thấy được tất cả các pháp ở Đại thiên. Còn Tam tạng Thiên nhãn, Tuệ nhãn của Nhị thừa chỗ thấy sự lý còn chẳng kịp hưởng là Phạm vương mà sánh được ư? Cho nên Đại Kinh nói: Người học Đại thừa tuy có Nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn, còn người học Nhị thừa tuy có Tuệ nhãn mà gọi là Nhục nhãn. Vì Tuệ nhãn ấy thấy chân đoạn hoặc so với Nhục nhãn của Viên giáo có phần kém hơn. Nhục nhãn của Viên giáo gọi là Phật nhãn vì tuy đủ tánh phiền não nhưng lại biết được Bí mật tạng của Như Lai.

Ta-lộ-đa-la-tuất-lũ-đa (Srotra), dịch là Năng văn. Du-già nói: Thường chương tiếng ở đây đến mà nghe nên dịch là tai, là nghĩa hay nghe. Lãng-nghiêm tai như quyển sách mới (lá vở), hoặc nói tai như quyển Da Hoa.

Già-la-ni-yết-la-noa (Ghràna), dịch là khứu (ngửi). Du-già nói: Do đây mà hay ngửi mùi hương nên gọi là mũi, là nghĩa hay ngửi. Lãng-nghiêm nói: Mũi như hai móng tay úp, hoặc nói mũi như thanh châm đồng (ống đầy kim).

Để-nhã-thì-ngật-phược (Jihva), dịch là năng thường (lưỡi) hay trừ đói khát. Du-già nói: Hay trừ đói khát ốm gầy thường phát nói năng luận bàn kêu gọi nên gọi là lưỡi là nghĩa hay nếm. Lãng-nghiêm nói: Lưỡi như mặt trăng khuyết, hoặc nói lưỡi như yển Nguyệt Đạo.

Ca-da (Kàya), tiếng Phạm có bốn tên: một là Ca-da, hai là Thiết-ly-la, ba là Đệ-ha (Deha), bốn là Ứng-già (Anga), dịch là Tích tự (chứa nhóm). Du-già nói: Các căn tùy chỗ mà chứa nhóm và nghĩa nương nhờ. Cũng dịch là phần, nghĩa là chi phần. Lãng-nghiêm nói: Thân như lập kích sóc (cái kích dựng đứng?). Kinh An-ban-thủ-ý hỏi: Những gì là thân, những gì là thể, xương thịt làm thân, sáu tình hợp làm thể.

Hật-lị-đà-da (Hrdaya), dịch là Nhục đoàn tâm (quả tim thịt) tức là chỗ ý căn gá vào. Cho nên nói ý như thấy nhà tối. Phạm nói căn thì có hai nghĩa: một là Phù trần ngoại cập, hai là Thắng nghĩa nội căn. Nói Phù trần thì bốn đại là năng tạo, bốn vi là Sở tạo. Sắc, hương, vị,

xúc là bốn vi hòa hợp bèn thành căn. Nên Kinh Lăng-nghiêm nói: Ta nay quán phù căn bốn trần này chỉ ở trước mặt ta. Tư Trung nói: Phù hư chẳng thật che tối Chân tánh nên gọi là Phù trần. Phù trần là ngoại căn. Nói Thắng nghĩa tức là bốn đại thanh tịnh. Hồng Mãn Sao nói: Thắng nghĩa căn này tuy dùng Năng tạo, Sở tạo tám pháp làm thể là không thể thấy được có đối sắc chiếu cảnh mà phát ra thức, là cảnh sở tri (là cảnh chỉ thánh nhân biết) của Thánh nhân, nghĩa nó rất sâu xa, không phải giống như trần cảnh thô cạn, nên gọi là thanh tịnh. Đây là trong nhiễm mà tịnh, không phải là cái tịnh vô lậu diệu minh. Thắng nghĩa này là nội căn vậy.

Đại Luận hỏi: Vì sao ba thức sở tri hợp làm một. Tỷ, thiệt, thân, thức gọi là Giác, ba thức sở tri riêng (khác?) làm ba. Nhãn gọi là kiến (thấy), nhĩ gọi là văn (nghe), ý biết gọi là thức?

Đáp: Đây là ba thức giúp nhiều đạo pháp, cho nên riêng nói, còn ba thức kia thì chẳng thí nên gọi là hợp nói. Ba thức ấy chỉ biết việc của thế gian nên hợp làm một, ba thức kia cũng biết việc thế gian và cả việc xuất thế gian, nên riêng nói. Lại nữa, ba thức ấy chỉ duyên với pháp vô ký, còn ba thức kia thì duyên với thiện hoặc bất thiện hoặc vô ký. Lại nữa, ba thức ấy hay sanh nhân duyên ba thừa như mắt thấy Phật và đệ tử, tai nghe pháp, tâm trừ tính chánh ức niệm, các thứ khác nhau như thế. Thắng Vương Kinh nói: Phật bảo Thiên Vương rằng: Bồ-tát Ma-ha-tát, lấy sức phương tiện, làm Bát-nhã ba-la-mật, đối tất cả pháp tâm duyên tự tại, duyên tất cả sắc nguyện được Phật sắc không thể được. Tâm duyên các tiếng, nguyện được âm thanh vi diệu của Như Lai, tâm duyên các hương nguyện được giới hương thanh tịnh của Như Lai, tâm duyên các vị, nguyện được tướng đại trượng phu bậc nhất trong vị của Như Lai, tâm duyên các xúc nguyện được bàn tay mềm mại của Như Lai, tâm duyên các pháp nguyện được tâm tịch tịnh của Như Lai. Tâm duyên với thân mình, nguyện được thân Phật. Tâm duyên với miệng mình, nguyện được miệng Phật. Tâm duyên với ý mình, nguyện được ý bình đẳng của Như Lai. Thiên Vương Bồ-tát Ma-ha-tát làm Bát-nhã ba-la-mật, chẳng có một tâm một hạnh ở không (không quá?) chẳng hưởng vào Tát-bà-nhã. Khắp duyên các pháp mà chẳng đắm trước, quán thấy các pháp đều hướng đến đạo Bồ-đề. Bồ-tát tu tập các hạnh đều nhân ngoại duyên mà được thành lập. Lại như đất bằng ở trên mặt nước, nếu đào ao giếng ắt sẽ được nước dùng. Người không đào thì chẳng do đâu mà thấy. Như thế cảnh giới của Thánh trí ở khắp tất cả pháp. Nếu có siêng tu Bát-nhã phương tiện thì liền được, còn người không tu thì sao



có được.

Tỷ-cổ-ca (Bhùtaka), dịch là chủng (giống), đây là năm nguyên do sanh ra chúng sanh nên gọi là chủng. Bà-sa hỏi: Sao gọi là Đại chủng? Đáp: Lớn mà là chủng (giống) nên gọi là Đại chủng. Như nói Đại địa và Đại vương vậy. Hay giảm hay tăng, hay tổn (làm tổn hại) hay ích (giúp ích, đó là nghĩa của chủng. Thể tướng hình lượng nó ở khắp các phương cõi hay giúp thành việc lớn đó nghĩa đại.

Đại thừa Nhập Lăng-già nói: Tức là hư vọng phân biệt, thấm nhuần Đại chủng thành thủy giới trong ngoài, nung nóng Đại chủng thành hỏa giới trong ngoài, lay động Đại chủng thành phong trong ngoài, sắc phân đoạn Đại chủng thành Địa giới trong ngoài. Viên giác nói: Ta này thân này bốn đại hòa hợp đó là tóc, lông, răng, móng, da trong, gân, xương, tủy, não cấu sắc đều qui về địa. Nước mắt, nước mũi, máu mủ, nước miếng, mồ hôi, đờm, tinh khí, phân, nước tiểu đều qui về thủy (nước). Hơi nóng ấm thì qui về hỏa (lửa), chuyển động thì qui về phong (gió). Nhân Vương nói: Kiên trì gọi là địa, tân nhuận (thấm ướt) gọi là thủy, tánh ấm gọi là hỏa, khinh động gọi là phong. Tịnh Giác nói: Gọi chung là đại là từ sự mà lập tên. Trí Luận nói: Phật nói bốn đại không đâu chẳng có nên gọi là đại. Trường thủy trước lấy tàng tánh (tánh chứa giấu) mà giải thích đại thì thật là lầm to. Cô Sơn nói: Bốn luân giữ đời, kỳ thật đó là Thổ luân, Kim luân, Thủy luân, Pha luân. Đây chẳng nói Thổ (đất) vì thổ và kim đồng là tánh cứng, đều thuộc địa đại. Cho nên đây chỉ nói bốn đại thì đã nhiếp bốn luân. Tịnh Giác nói: Song bốn đại này phong kim là do vọng tâm mà khởi. Hỏa, thủy lại do phong, kim mà khởi. Văn sau kết rằng: Tướng thay đổi (để) làm chủng nghĩa thấy ở đây. Tông Cảnh nói: Đều từ bốn đại hòa hợp mà thành, tất cả đều là một tâm hư vọng biến đổi. Ngài Duy-ma-cật hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: Những gì là Như Lai chủng? Văn-thù-sư-lợi đáp: Có thân là chủng, vô minh hữu ái là chủng, tham nhuế si là chủng, bốn điên đảo là chủng, năm cái là chủng, sáu nhập là chủng, bảy thức xứ là chủng, tám tà pháp là chủng, chín não là xứ chủng, mười bất thiện đạo là chủng. Nói tóm tắt sáu mươi hai kiến và tất cả phiền não đều là Phật chủng. Thiên Thai giải thích rằng: Cho đến không phải chủng là chủng. Vì sao thế? Vì lìa ngoài ba đạo thì không có Như Lai chủng ấy là: 1/ Chánh nhân tức khổ đạo, 3/ Liễu nhân tức phiền não đạo, 3/ Duyên nhân tức nghiệp đạo. Lại văn trước nói: Ba đạo là ba đức chủng, chủng đã có ba thì Như Lai cũng ba: Một là Pháp Phật Như Lai, hai là Báo Phật Như Lai, ba là Ứng Phật Như Lai. Chủng lấy hay sanh làm nghĩa nếu chẳng thể sanh thì không

gọi là chủng. Vì ba chủng này hay sanh ba Phật từ vi đến trước trọn ở Đại quả. Cũng có nghĩa là chủng loại. Nếu ba chủng này không phải là chủng loại Phật thì ngoài đây không có pháp đồng loại. Cũng có nghĩa là chủng tánh, tánh gọi là không thay đổi. Tức ba pháp này từ đầu đến cuối chẳng đoạn chẳng diệt (chẳng diệt mất) ắt làm nên quả ba đức ba Phật nên gọi là không thay đổi. Nay ước chúng sanh mà nói chủng thì không ngoài ba thứ này. Do phiền não nhuận nghiệp mà thọ thân có khổ. Ba thứ không trước sau, cũng không phải cùng một lúc, chẳng tung (đọc) chẳng hoành (ngang). Cho nên Kim Bài nói: Nếu có chúng sanh chưa bảm (học?) giáo đến chỗ ông thì trước phải nói rằng: Người từ vô thủy đến nay chỉ có phiền não nghiệp khổ mà thôi. Tức đây toàn là Lý tánh ba nhân, do chưa phát tâm, chưa từng gia hạnh (gắng sức tu) cho nên tánh Duyên liễu đồng gọi là Chánh nhân. Lại Diệu Lạc nói: Ba đạo là ba đức, chủng tức là tánh chủng. Vì có tánh sanh nên gọi là chủng. Khi sanh chủng này thuần biến là tu. Các Văn nói này đều lấy lúc mê làm tánh. Sau ngộ gọi là tu. Song tánh chủng này Thiên Thai gọi là Tương đối chủng. Ngài Kinh Khê lấy đối địch mà giải thích có chung có riêng. Nếu chung thì lấy sự của ba đạo mà đối lý của ba đức, đây bèn Sự Lý đối địch luận chung. Nếu đối địch luận riêng thì như Ký Chủ nói: Ba thứ này từ riêng, mỗi mỗi đều khác. Khổ đạo ở mê thì thuộc nhân, pháp thân sở chứng là quả, đây bèn nhân quả đối nhau. Phiền não là pháp hôn mê, Bát-nhã là pháp Minh ngộ. Đây bèn mê ngộ đối địch nhau. Làm trái lý là pháp buộc ràng, làm thuận lý là pháp giải thoát. Đây thì buộc và thoát đối địch nhau. Kinh Khê lại đổi Danh tướng mà dịch (đổi) chủng. Ở nhân thì dịch Pháp thân là Khổ đạo. Đến quả thì dịch Khổ đạo và Pháp thân. Lúc mê thì dịch Bát-nhã là phiền não, khi ngộ thì dịch phiền não là Bát-nhã. Buộc thì dịch giải thoát là kết nghiệp, thoát thì dịch kết nghiệp là giải thoát. Trước sau Lý một nên gọi là Tánh chủng. Như Pháp Hoa Sớ giải thích chư Phật Lương Túc Tôn biết pháp thượng không (vô) tánh, con Phật chủng thì từ duyên khởi, thế nên nói Nhất thừa. Ngài Thiên Thai giải rằng: Trung đạo vô tánh tức là Phật chủng. Diệu Lạc giải rằng: Lập bản vô tánh là Bản tánh đức. Cho nên biết chủng này tức là chủng tánh gia Tiên Đức nghi rằng: Tịnh Sanh lấy ba đạo làm tánh chủng, Pháp Hoa lấy ba đạo làm tánh chủng. Xem hai chỗ này văn nghĩa lại khác, bèn lập bốn nghĩa tiêu thông hai văn: Một là Chủng bản, hai là Chủng thể, ba là Chủng duyên, bốn là Chủng quả, bèn nhất định ba đạo của Tịnh Danh là đương thể của chủng, Pháp Hoa ba đức là thể sở y, chính là bản của chủng. Nay nói chủng vì hay sanh

làm nghĩa thì chủng tức là Bản (gốc?) há có hai khác. Học giả phải biết rõ hai chỗ Kinh văn đều thuận một nghĩa. Vì Duy-ma chỉ mê khiến ngộ nên lấy ba đạo ở mê làm Phật chủng, Chánh - Trợ hai tu làm Chủng duyên. Pháp Hoa nói chư Phật lập giáo, nên ở Bình Đẳng Lý Tánh làm Phật chủng, nghịch thuận hai sự làm Chủng duyên. Tịnh Danh ba đạo bèn ước tức làm chủng cũng như Băng là Thủy chủng (loại của nước). Pháp Hoa ba đức chỉ tánh mình làm chủng, như nước là Băng chủng phân biệt như thế thì sẽ sáng tỏ. Lại Pháp Hoa sơ nói: Nếu ở loại mà luận chủng thì tất cả cú (gật) đầu đưa tay đều là giải thoát chủng, tất cả thế trí ba thừa giải tâm tức là Bát-nhã chủng. Phàm ai có tâm đều sẽ làm Phật, tức pháp thân chủng. Kinh Khê nói: Loại nghĩa là loại lệ tức là Tu đức. Đây bèn thuận tu ba nhân mà hay thành quả ba đức, nên gọi là loại chủng. Đây do Pháp Hoa khắp mở sáu đạo. Cúi (gật) đầu đưa tay, khảy móng tay, tán hoa vốn là phước của trời người. Nay mở tức là duyên nhân Phật chủng, tất cả thế trí ba thừa giải tâm vốn là trí năm thừa, nay mở tức là Liễu nhân Phật chủng. Phàm có tâm thì chẳng biết Chánh nhân nay mở chúng sanh đều sẽ làm Phật, tức Pháp thân chủng. Diệu Lạc hỏi: Nếu thế Bát-nhã giải thoát có ở chủng loại và lấy đối mà luận (cho đến đối luận) thì pháp thân loại chủng và Đối luận chủng là đồng hay khác? Đáp: Lý một mà nghĩa khác. Nói lý một là chỉ duyên lý một, thí như tu tánh đối nhau ly hợp. Nói nghĩa khác, là đối bên (với) sanh tử mà gọi là đối nhau, lý thể vốn tịnh gọi là loại chủng. Lại văn năng quán trí gọi là Liễu chủng, nghe (văn) sở duyên lý gọi là chánh chủng. Tức là Lý tịnh cùng Sự tịnh là loại. Đây là ước khai hiển minh loại chủng. Xưa Kinh Viên đã cách Thiên, chỉ ước đương giáo ba nhân tự luận loại chủng. Nếu ba giáo trước như Diệu Lạc nói: Biệt giáo chỉ có chủng của chủng loại vẫn Riêng (Biệt), trước sau thường tịnh, chỉ không từ che (phú) nên được tên chủng. Đây cùng Thích châm tuy pháp thân vốn có (bản hữu) chẳng đồng với Biệt giáo bị hoặc nó che, hai văn chống nhau. Diệu Tống giải thích rằng: Biệt giáo pháp thân bị hoặc nó che, là bởi tánh bất tri bất giác (chẳng hay chẳng biết), đủ (cụ) đức nhiễm ác. Thế nên nhiễm ác không phải hai đức v.v... Chỉ có Pháp thân, Bản (vốn) giác tùy ở nhiễm duyên mà làm tất cả pháp trong mê, cho đến gọi là bị hoặc che. Đã chỉ che Lý Phật tánh (đã che Đản Trung), như người thuần thiện, tất cả việc ác vốn không phải bị người làm ác bức ép khiến làm các ác, nên nói người thiện ác che. Đây là hiển bày cái hoặc hay che (năng phú) còn cái chân như bị che lá lý bất biến, trước sau thường tịnh. Cho nên nói: Chỉ chẳng từ che mà được tên chủng. Hỏi

Diệu Huyền nói: Mười hồi hương mới (Thủy) chánh tu Trung, Trung này chỉ Lý chẳng đủ các pháp. Thích Châm thì nói bất đồng, người biệt thì lý thể đầy đủ mà chẳng gồm nhau. Giáng Vỹ Nan nói: người biệt đã có lý tánh ba nhân, sao duyên biệt mà tu duyên liễu. Tịnh giác tuy ước lý tánh ba nhân đều là đức Đản trung. Đáp: Chưa khế hợp ý Tứ minh, cho nên Diệu tông giải thích nghĩa này nói rằng: Cũng là tánh chẳng biết Bản giác, nhiệm đủ ác đức, chẳng thể toàn tánh khởi tu nhiệm ác, bèn thánh lý thể hoàn đủ ba pháp. Nói chẳng gồm nhau, là vì ba pháp ấy nhất định đều ở tánh đều là sở (được) phát, cũng như ba phần đều gọi là vua sao lại có thể nhiếp nhau. Thế nên ba pháp trong tánh bất tri thì hai thứ là tu, hai (một) thứ bèn thành hoàn nên nói là ba đều là ở tại tánh mà chẳng dung nhau (hòa vào nhau). Tạng thông hai giáo toàn không có nghĩa này chỉ ước đương giáo tên ấy chẳng phải không. Nhân thời ba học làm năm phần chủng, đạt phần tức là hai giải thoát chủng. Niệm xứ tức Bát-nhã chủng, phải hiểu có thân là chủng. Nếu chẳng nghe pháp thì ai tự biết chẳng gia công hạnh (chẳng gắng làm) mà bỏ thân rồi thọ thân thì ai được thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Bèn chỉ Tánh loại hai pháp để làm ngón tay chỉ mặt trăng vậy.

- Nhiếp-đề, dịch là giả thi thiết (giả lập, giả bày ra) giả là ba giả. Phụ Hành nói: Nhân nội nhân ngoại hòa hợp mới thành, nên pháp được sanh gọi là Nhân thành giả, vì niệm chẳng thật, cho nên niệm trước diệt rồi thì lại sanh, sanh ra thì liền diệt, kể là hay nối tiếp thì gọi là nối tiếp giả. Người khác đối với mình mà giả lập tên người khác, mình đối với người khác mà giả lập tên mình. Đối đãi nhau chẳng thật gọi là đối đãi nhau giả. Luận Thành thật nói: Ba giả phù hư như khói mây bụi mù vậy.

- Ưu-đà-na (Udàna), Thiên Thai Thiền Môn nói: Dịch là Đơn Điền, cách rốn hai tấc rưỡi (2,5cm) Đại Luận nói: Như khi người nói trong miệng có gió (hơi) ra gọi là Ưu-đà-na gió này ra rồi lại trở vào rốn. Kệ rằng:

*Gió gọi (tên) Ưu-đà-na,  
Gặp rốn mà đi lên,  
Gió ấy gặp bảy chỗ,  
Đỉnh đầu, lợi răng môi,  
Lưỡi họng cho đến ngực,  
Là trong nói năng sanh.*

**Luận rằng:** Thở ra vào là thân gia hạnh, thọ tướng là tâm gia hạnh, tâm từ là ngữ (lời, nói) gia hạnh. Đại Tập Kinh nói: Có gió hay

lên có gió hay xuống. Tâm nếu niệm (nghĩ) gió trên thì tùy tâm mà dất lên (thở ra), tâm nếu niệm (nghĩ) gió dưới thì tùy tâm mà dất xuống (hít vào). Vận chuyển làm lung đều là tùy tâm mà chuyển làm tất cả việc. Nếu đường gió không thông thì tay chân bất toại, tâm tuy có niệm (nghĩ) nhưng không cử động được. Ví như người kéo cửa thành tức ảnh kĩ các thứ làm ra, dây kéo cửa đứt rồi thì tay không kéo được. Phải biết đều là nương vào gió mà làm ra.

- A-na (Àna) cũng gọi Anna, dịch là khiến lai, là hít vào.

- Ban-na (Àpàna), dịch là khiến khứ, là thở ra. Kinh An Ban Thủ Ý nói: An là thân, Ban là tức; An là sanh, Ban là diệt; An là niệm đạo, Ban là giải kết. Sở dĩ tiên sở nhập là ngoài có bảy ác, trong có ba ác, dùng ít mà thắng nhiều là tiên sở nhập; An gọi là xuất tức (thở ra), Ban gọi là nhập tức (hít thở vào). Tức (hơi thở) có bốn việc: Một là gió, hai là khí, ba là hơi thở, bốn là suyển (hơi thở mau gấp). Có tiếng là gió, không tiếng là khí, ra vào là tức, khí ra vào không thôi (bất tận) là suyển. Thở ra là sanh tử ấm, thở vào là tư tưởng ấm. Hoặc nói tiên sở (trước khi đếm hơi thở? Sở là đếm?) xuất tức khí thì chẳng gấp thân chẳng mập đầy thân tâm nhẹ nhàng lạnh lợi thì Tam-muội dễ thành. Hoặc nói tiên sở (trước thường?) thở vào tùy hơi thở mà khâm dị nhập định. Hoặc nói tùy tiện nghi thở ra vào, nếu tâm khinh phù (tán loạn) thì cột tâm ở Đơn Điền mà thở hít vào. Nếu tâm hôn trầm (ngủ gục) thì cột tâm ở đầu mũi mà thường thở ra. Đây đều là chẳng cho hơi thở ra vào đều sở. Đề-bà Bồ-tát nói: Phật nói môn cam lồ gọi là A-na-ba-na, là Đạo an ổn nhất trong các pháp môn.

- Ô-ba, hoặc gọi Tát-già (Satya?), dịch là Hữu. Bà-sa nói: Là có nghĩa gì, đó là tất cả pháp hữu lậu vậy. Phật nói: Nếu nghiệp hay khiến đời sau nối tiếp sanh thì gọi là hữu. Hoa Nghiêm nói: Những gì gọi là pháp hữu vi, đó là chúng sanh ba cõi. Bà-sa nói: Lậu là nghĩa gì? Đáp: Trụ là nghĩa lậu, là phạm phu đến đây bị giữ ở lại. Lậu là nghĩa tầm tí (ngấm thấm). Đến Tam Hữu Đảnh thường tầm tí. Nghĩa lậu là lưu xuất (chảy ra) rủ hết xuống ba hữu lại chảy ra, hoặc có các nghĩa là nắm giữ, say sưa, ở trong, phóng dật (buông lung...) đều là nghĩa lậu cả. Thành Luận nói: Mất đạo (đường) nên gọi là lậu. Luật nói: Người si tạo nghiệp mở các lậu môn. Văn Cú nói: Lậu là ba lậu. Diệu Lạc nói: Một là Dục lậu, nghĩa là tất cả phiền não trong Dục giới, trừ vô minh. Hai là hữu lậu, nghĩa là tất cả phiền não ở hai cõi trên (Sắc, Vô sắc) trừ vô minh. Ba là Vô minh lậu, tức là vô minh ở ba cõi. Lại Phụ Hành giải thích hữu lưu rằng: Hữu tức là ba hữu, lưu là bốn lưu: Một là Kiến lưu, tức kiến có

ba cõi; hai là Dục lưu, tức tất cả các hoặc ở Dục giới trừ kiến và si; ba là Hữu lưu, là tất cả các hoặc ở hai cõi trên trừ kiến và si; bốn là Vô minh lưu, tức là si ở cả ba cõi. Ở ba chỗ này nhân quả chẳng mất nên gọi là hữu, vì bốn pháp này chết chìm mãi không thôi nên gọi là Lưu. Niết-bàn nói: Pháp hữu lậu có hai thứ, có nhân quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ, có nhân có quả. Quả hữu lậu thì gọi là Khổ, nhân hữu lậu thì gọi là Tập. Quả vô lậu thì gọi là Diệt, nhân vô lậu thì gọi là Đạo.

- Tát-ca-da-tát (Anitya?), dịch là vô thường. Cầu Hương nói: Sô xá (chạy về nhà?) vô định gọi là vô thường. Đường Nhân Minh Chính Lý Luận nói: Xưa không nay có, tạm có lại không nên gọi là vô thường. Tịnh Trụ pháp nói: Sanh ra khó thể giữ chắc (bảo) chỉ muốn lo sanh, chết thì ắt đến, chẳng biết lo chết, hưởng mạng này nguy, bung biển vô thường, chợt khoảnh khắc bất giác mà chết đến. Nội Đức Luận rằng: Trăm răng dễ rụng hết, năm phước khó thường mạng muôn còn mà điển xệt, nghiệp thì trời cao đất dày Tam đồ vương vít mà bước hoài, bốn lưu không bờ mù mịt, ngồi thuyền pháp mà cứu giúp, mước cánh tín mà bay cao, phải chuyển tội thành phước, sao chẳng nghĩ mà làm càng. Chánh Pháp Niệm nói: Có người chết từ trong thai, có người sanh ra liền chết có người mới đi liền mất, có kẻ mới chạy bỗng tiêu. Trí Luận nói: Vô thường có hai thứ: Một là tướng tục pháp hoại vô thường; hai là niệm niệm sanh diệt vô thường. Tông cảnh nói hai thứ bốn tướng: Một là ước thọ quả báo, mới có sanh già bệnh chết. Trường A-hàm nói: Một là tướng sanh, tức năm ấm hưng khởi mà được mạng căn; hai là tướng già, nghĩa là tuổi thọ sắp hết mạng sống không còn bao lâu nữa; ba là tướng bệnh, nghĩa là các khổ bức bách còn mất không hẹn trước; bốn là tướng chết, tức là hết vậy. Gió trước lửa kế các tướng hư hỏng thân mất mà ở thư khác. Lại Tứ Đế Luận rằng: Các khổ nường nhờ gọi là sanh khổ, hay khiến biến đổi hư hoại gọi là già khổ. Bức ép thân khốn đốn gọi là bệnh khổ. Hay diệt các căn gọi là chết khổ. Không phải thương mà cùng nhóm họp nhau thì gọi là oán tắng hội khổ, thương yêu nhau mà phải xa lìa thì gọi là ái biệt ly khổ. Trông mong chẳng hoại thì gọi là cầu bất đắc khổ. Có nhiều tướng khổ thì gọi là Ngũ ấm xí thạnh khổ. Niết-bàn nói: Lại nữa, Bồ-tát tu về Tử quán là thọ mạng thường bị vô lượng oán thù khuấy rối niệm niệm giảm xuống không có tăng thêm, cũng như thác từ núi cao đổ xuống mãi chẳng dừng, cũng như hạt sương mai dưới ánh nắng không lâu, như tù nhân lên pháp trường bước bước gần cái chết, như dất trâu dê đến lò giết mổ. Kinh Xuất Diệu Phật nói: Ngày nay đã qua, mạng tùy theo đó mà giảm, như cá cạn nước, nào có vui gì; hai là



ước nghiệp tế hoặc mà nói sanh, trụ, dị, diệt. Như Khởi Tín Luận nói: Bất giác tâm khởi gọi là Sanh, hay thấy hay hiện vọng chấp lấy Chánh giác khởi niệm cho là tiếp nối thì gọi là Trụ, chấp lấy tên gọi là Dị, tạo tác các nghiệp nên gọi là Diệt. Luận Duy Thức nói: Sanh là nói pháp này trước đây không có. Diệt là nói pháp này sau đây không còn. Dị là nói pháp này không ngưng nhiên. Trụ là nói pháp này tạm hữu dụng. Nay giải thích rằng: Từ không mà có thì gọi là Sanh, từ có mà không thì gọi là Diệt, trước sau biến đổi thì gọi là Dị, tạm như thế mà nối tiếp thì gọi là Trụ. Lại Luận nói: Xưa không nay có, vô vị gọi là sanh. Vì sanh tạm dừng liền nói là Trụ. Trụ khác trước sau mà lập tên Dị. Tạm có lại không, không thì gọi Diệt. Ba thứ trước có nên đồng ở hiện tại, một cái sau không nên ở quá khứ. Phụ Hành ký nói: Nói ba tướng là chẳng lập tướng Trụ, cùng dị hợp nói, vì người ở trụ luôn chấp thường còn. Nên Tịnh Danh nói: Tỳ-kheo các ông nay cũng sanh cũng già cũng diệt mất. Già tức là Dị. Ngài Khuê Phong nói: Hai tướng Trụ-Dị đồng là hiện tại nên hợp làm một, phân kỷ tức bốn. Ngài Cô Sơn giải kinh Lăng Nghiêm nói: Trước nêu bốn tướng nay chỉ có hai là dùng Sanh nhiếp Trụ, dùng Diệt thâm Dị. Tông Cảnh nói: Tuy tuổi trăm năm cũng như sát-na, như sóng lớn ở biển Đông, như nắng quái ở trời Tây, như đập đá ánh lửa nháng, như ngựa con phóng qua lỗ, như ngọn đèn nhỏ trước gió, như giọt sương mai đầu cỏ, như cây mục bám vách đá, như ánh sét trước mắt... Nếu không gặp Chánh pháp ắt vĩnh viễn đọa chốn u đồ.

- Xà-đề-xà (âm xã) (Jàtimrtyu?), dịch là sanh tử.

- Ngật-na hoặc Thiện-na (Janman), dịch là sanh. Du già nói: Năm uẩn mới khởi gọi là Sanh, y xác mà khởi gọi là Noãn sanh. Chứa nhóm mà ra gọi là Thai sanh, giả (mượn) nhuận mà hưng khởi gọi là Thăng sanh không có mà bỗng hiện gọi là Hóa sanh. Như thế là bốn sanh (bốn loài) do nội tâm tướng nghiệp (do bên trong nghiệp tâm tướng) làm nhân, bên ngoài có xác thai Tàng chấp nhuận làm duyên. Ước mượn duyên nhiều ít mà thành thứ lớp. Noãn sanh đủ bốn là trước nói: Thai sanh đủ ba, Thấp sanh đủ hai, Hóa sanh chỉ một, tức là Tư nghiệp vậy. Câu-xá nói: Người và bàng sanh đủ bốn, địa ngục và các trời chỉ có Hóa sanh. Quỷ thì chung cả Thai-Hóa hai thứ. Người đủ bốn loài, là như Đại Luận nói: Mẹ Tỳ-xá-khư-di-la sanh ba mươi hai con, Di-già-la là con lớn. Mẹ sanh ba mươi hai trứng nở ra sanh ba mươi hai nam đều là lực sĩ, mà mẹ ấy được ba đạo. Lại Bà-sa Luận nói: Xưa ở châu này các người lái buôn vào biển được một con hạc mái bèn sanh ra hai trứng nở ra thành hai bé nam đẹp đẽ thông minh, lớn lên xuất gia được A-la-hán,

tên đũa lớn là Thế-la, đũa nhỏ tên Ổ-ba sanh. Thấp sanh như An-la-bà-ly dâm nữ Đảnh Sanh Chuyển Luân Thánh Vương. Lại Niết-bàn nói: Đảnh Sanh Vương từ mục phồng trên đầu sanh ra. Hóa sanh, như Đại Luận nói: Như Phật cùng bốn chúng du hành trong chúng Tỳ-kheo Ni có A-la-bà trong đất hóa sanh. Và ở sơ kiếp người đều hóa sanh. Bàn sanh đủ bốn, là chánh pháp niệm nói: Hóa sanh kim xí điểm (chim cánh vàng) hay ăn bốn loài rỗng. Rỗng cùng kim xí điểm đều đủ bốn loài. Thú chạy thì đều là thai sanh, chim bay đều là noãn sanh. Chứng Chân nói: Tình tưởng hợp lìa bốn loài đều đủ. Kinh văn lại căn cứ vào một cái hơn mà nói.

- Mạt-lạt-nấm (Marana), dịch là chết. Thắng Man nói: Sanh là các căn mới sanh, chết là các căn cũ mất. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Lúc chết thì bốn đại bị hại, nghĩa là bốn đại chẳng điều hòa. Có bốn thứ chết, nếu phong đại chẳng điều hòa thì tất cả thân phần đều cùng xé rách từ chân đến đầu phân tan như cát. Lại Nhất Thừa Chương nói: Có hai thứ chết, những gì là hai: Tức là phần Đoạn tử và Bất tư nghì biến dịch tử. Phần Đoạn tử tức là chúng sanh hư dối. Bất tư nghì biến dịch tử, là A-la-hán, Bích-chi Phật, Đại Lực Bồ-tát Ý sanh thân. Vì phần Đoạn tử nên nói A-la-hán Bích-chi Phật trí (biệt) đời ta đã hết được chứng quả Hữu dư, nên nói phạm Hạnh đã lập. Phạm phu trời người không thể luận bầy thứ người học trước chưa từng làm, vì đối trá phiến não đã đoạn hết rồi, nên nói việc làm đã xong. Vì A-la-hán Bích-chi Phật đã đoạn phiến não lại chẳng còn nhận thân sau nữa nên nói chẳng thọ hậu hữu. Niếp Đại Thừa nói bầy thứ sanh tử: Một là phần Đoạn tức là quả báo ở 3 cõi; hai là Lưu lai, tức là lúc ban đầu có thức; ba là phản xuất, nghĩa là trái vọng đầu tiên; bốn là phương tiện tức là nhập diệt của Nhị thừa; năm là nhân duyên tức Sơ địa trở lên; sáu là hữu lậu, tức là Thập địa; bảy là vô lậu, tức là Kim cang tâm. Bắc Sử Lý Sĩ Khiêm Tự là Tử Ước khéo nói Danh Lý, từng có khách ngồi chẳng tin nghĩa báo ứng của nhà Phật. Sĩ Khiêm bảo rằng: Làm thiện thì dư mừng vui, làm ác thì dư tai họa. Đây không phải hư cữu ư? (tốt xấu ư) Kinh Phật nói: Lưu chuyển (trôi nổi?) mãi trong năm đạo không thôi. Đây thì Cổ nghi nói ngàn biến vạn hóa chưa có chỗ rốt cùng bỗng nhiên bị (vì) người gọi bảo. Khi Phật giáo chưa truyền đến các hiền đã biết như thế. Đến như cổn làm gấu vàng, Bảo quân làm rỗng, Ngư Ai làm thú dữ, Bàn sanh làm heo, Như Ý làm chó, Đặng Ngại làm trâu. Tiền thân của Dương Hựu (Hộ) là con của Lý Thị. Đây không phải nhà Phật biến hóa dị hình mà nói ư?

- Ca-ma-la (Kamalà?) hoặc Ca-mạt-la, dịch là Hoàng Bịnh lại gọi

là ác cấu, cũng gọi là bệnh cùi. Trí Luận nói: Một là bệnh nhân duyên bên ngoài, là nóng lạnh đói khát binh đao gây gộc, rơi té hãm hố. Như thế các thứ tai họa bên ngoài gây buồn khổ; hai là bệnh nhân duyên bên trong, là ăn uống chẳng tiết (điều) độ, ngủ thức bất thường, bốn trăm lẻ bốn bệnh gọi là bệnh bên trong.

- A-tát-xà (Atisàra?), dịch là bệnh chẳng thể trị. Hoàng Minh Tập nói: Bệnh ắt chết đầu Thánh cũng không thể cứu. Bệnh có thể trị thì đợi thầy thuốc mới lành. Cho nên Niết-bàn nói: Có ba thứ bệnh: Một là dễ trị, hai là khó trị, ba là chẳng thể trị. Tịnh Danh Sớ nói: Trị liệu có tổn, một là có từ lúc mới uống thuốc chỉ tăng mà không tổn tron không sai lý đó gọi là tăng tăng; hai là hoặc tuy có khốn đốc trị bình liền lành, đó gọi là Tăng tổn (tổn là giảm bệnh, tăng là tăng bệnh); ba là hoặc có uống thuốc lúc đầu tuy dần tổn mà sau lại tăng đó là tổn tăng; bốn là mới đầu dần tổn cho đến bình phục đó là tổn tổn. Lại giải thích trị bệnh chúng sanh: 1/ Tăng tăng tức là hạ phạm phu thấp kém nhất, nếu vì họ nói pháp họ lại chê bai gây tội xiển đề. Như Thiện Tinh Điều Đạt v.v...; 2/ Tăng tổn như Thi Ly Cúc Đa; 3/ Tổn tăng, như Đại Luận nói: Bốn thiên Tỳ-kheo gọi là bốn quả. Khi lâm chung thấy chỗ sanh chê là không có Niết-bàn thì liền đọa địa ngục. Lại Tỳ-đàm Thành Thật nói người thối pháp (lui sụt pháp) đều là tướng ấy sanh; 4/ Tổn tổn tức là Xá-lợi-phất v.v... các người được đạo.

- San-nhã-sa (Sanyàsa?), dịch là bệnh phế phong một khi phát thì không khỏi. Trí Luận nói: Bốn trăm lẻ bốn bệnh, là bốn đại làm thân thường xâm hại nhau, trong mỗi mỗi đại thì trăm bệnh nổi dậy. Bệnh lạnh có hai trăm lẻ hai bệnh, do thủy-phong khởi. Bệnh nóng thì có hai trăm lẻ hai bệnh do địa-hỏa khởi. Chỉ Quán nói: Phương pháp trị bệnh đã biết rõ nguồn bệnh khởi phát mà làm thuốc trị bệnh. Phép trị bệnh bèn có nhiều cách, nói tóm tắt là không ngoài Chỉ Quán hai phương tiện. Thế nào là dùng Chỉ trị bệnh. Có thầy nói chỉ an tâm ngưng ở chỗ bệnh, liền có thể trị bệnh. Vì sao thế? Vì tâm là chủ hện quả báo. Ví như chỗ nào vua đến thì đám giặc liền tan. Kế có thầy nói: Dưới rốn một tác gọi là Ưu-đà-na, đây dịch là Đơn điền. Nếu hay ngưng tâm nghỉ ở đây rất lâu không tan thì có chỗ trị. Có Thầy nói: Thường ngưng tâm ở dưới chân, bất luận đi đứng ngủ nằm thì liền có thể trị bệnh. Vì sao thế? Vì người do bốn đại không điều hòa cho nên có nhiều thứ bệnh. Đây là do tâm thức trên duyên khiến bốn đại không điều hòa, nếu an tâm ở dưới thì bốn đại tự nhiên điều thích các bệnh liền trừ. Có Thầy nói: Chỉ biết các pháp không chẳng có gì, chẳng chấp lấy tướng bệnh, tịch nhiên chỉ trụ (vắng

---

yên mà ngưng trụ) thì trị được nhiều. Vì sao thế? Do tâm tưởng nhớ  
khua làm bốn đại cho nên có bệnh sanh. Dứt tâm vui hòa thì các bệnh  
liền tiêu. Nên kinh Tịnh Danh nói: Cái là gốc bệnh? Đó là phan duyên  
(duyên dính), làm sao đoạn được phan duyên, nghĩa là tâm không chỗ  
được. Như thế các thứ dùng chỉ trị bệnh không phải một (rất nhiều).  
Cho nên biết tu pháp chỉ thì có thể trị được các bệnh. Kế nói: Quán để  
trị bệnh. Có thầy nói: Chỉ quán tâm tưởng dùng sáu thứ khí mà trị bệnh,  
tức là quán hay trị bệnh, những gì là sáu khí: Một là xuy (thối), hai là  
hô (gọi), ba là hy (cười hi hi?), bốn là ha (quở trách), năm là hư (hà  
hơi), sáu là ????. Sáu khí này đều ở trong môi miệng tâm tưởng phương  
tiện chuyển trác mà làm, miên vi mà dùng. Tụng nói: Tâm phổi (tim)  
thuộc hạ, thận thuộc xuy, đui thuộc hô, phổi ??. Người Thánh biết rõ.  
Can tạng nóng thì hư mà đến, Tam tiêu ủng trệ thì chỉ nói hy. Cao tăng  
truyện nói: Tăng Thiện bị bệnh nặng, khi sắp mất bảo đệ tử rằng: Ta  
bệnh trong bụng lạnh kết, vì lúc trẻ tuổi ta ở trong núi làm ăn, gạo thóc  
đã hết lại làm biếng đi tìm bèn ăn cát đá để no sáng tối, nhân đó có bệnh  
chết rồi có thể mổ bụng mà xem. Quả nhiên đúng như lời nói. Nam Sơn  
Sao nói: Chỉ đói khát là bệnh chủ, cũng gọi là bệnh cũ, mỗi ngày thường  
có, cho nên lấy ăn mà làm thuốc trị bệnh. Tăng Kỳ Luật nói: Khi Phật  
ở tại nước Xá-vệ. Mẹ Nan-đà làm người nấu cơm, chắc nước cơm mà  
uống thì biết trong thân phong trừ mà ăn tiêu. Liền nghĩ rằng các Xà-lê  
nên ăn cháo, bèn lấy ít gạo nhiều nước mà nấu bỏ đi hai phần sau mới  
cho bột đậu xay vào đầy bình, mang đến chỗ Phật thưa rằng: Cúi mong  
Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo ăn cháo Phật chấp nhận và vì nói kệ.  
Kế Tứ Phần nói: Khi Phật ở nước Na-tần-đâu. Nhân Niều sa cúng cháo  
Phật chấp nhận. Lại Thập Tụng nói: Bà-la-môn Vương A-kỳ-đạt cúng  
bốn Ban cháo, tức Nhũ Lạc Hồ Ma-đậu-ma Sa-nhậm-tô v.v... Phật chấp  
nhận. Cao tăng Pháp Khai trong năm Thăng Bình đời Tấn, vua Hiếu  
tông có bệnh. Khai xem mạch biết bất khởi (chẳng ngồi dậy được?) mà  
không chịu dâng thuốc. Hiến Hận nổi giận thâu lại giao cho Đĩnh Úy,  
bổng mà vua băng hà nên được miễn tội. Có người hỏi Pháp sư rằng:  
Cao Minh Cương Giản vì sao ôm kinh y thuật (học nghề thuốc?). Khai  
nói: Nói sáu độ để trừ bệnh bốn ma, điều chín hầu để trị bệnh phong hàn.  
Chẳng cũng là tự lợi lợi tha ư. Tôn Xước nói: Biện tài dọc ngang lấy Số  
thuật mà thông giáo là ở ông Khai vậy.

